

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: **CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Mã ngành: 7760101

Chương trình đào tạo trình độ đại học Công tác xã hội ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHSPNTTW-ngày tháng năm 20.... của trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Công tác xã hội
Mã số: 7760101

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Công tác xã hội
 - + Tiếng Anh: Social Work
- Mã số ngành đào tạo: 7760101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Công tác xã hội
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Social Work
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: Năm 2023
- Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo:
 - + Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
 - + Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - + Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương;
 - + Căn cứ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Công tác xã hội có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ; có kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức chuyên môn thực tế vững chắc và năng lực nghiên cứu khoa học, khả năng sáng tạo để giải quyết những vấn đề liên quan đến con người, gia đình, cộng đồng và xã

hội; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng mềm, ứng dụng văn hóa - nghệ thuật, công nghệ trong lĩnh vực Công tác xã hội; có trách nhiệm nghề nghiệp, sẵn sàng thích ứng với điều kiện, môi trường làm việc đa dạng; có phẩm chất đạo đức, tinh thần phục vụ nhân dân, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ Kiến thức chung: Trang bị cho sinh viên kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất, tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý, các quy luật về tự nhiên và xã hội; Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, khoa học xã hội - nhân văn, tin học và ngoại ngữ.

+ Kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành: Trang bị cho sinh viên khối kiến thức nền tảng về cơ sở chung của nhóm ngành làm cơ sở hiểu biết và phát triển các khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Công tác xã hội

+ Kiến thức cơ sở ngành: Đào tạo cử nhân Công tác xã hội có tư duy hệ thống và phản biện trong việc vận dụng phương pháp, tiến trình, kỹ năng kỹ thuật và quy điều đạo đức nghề nghiệp đối với thân chủ, đồng nghiệp, cơ quan/tổ chức, xã hội đảm bảo an sinh xã hội cho các cá nhân, nhóm đối tượng đặc thù trong lĩnh vực của công tác xã hội.

+ Kiến thức chuyên ngành: Đào tạo cử nhân Công tác xã hội có sự hiểu biết lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về Công tác xã hội. Có khả năng ứng dụng văn hóa - nghệ thuật trong lĩnh vực của Công tác xã hội.

+ Kiến thức thực tế, thực tập: Sinh viên ứng dụng chuyên môn đã học vào thực tế, cũng như mở rộng hiểu biết về lĩnh vực nghề tại các cơ sở thực tập nghề nghiệp.

- Kỹ năng

+ Đào tạo sinh viên có kỹ năng tin học, ngoại ngữ

+ Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng thích nghi, học tập sáng tạo

+ Ứng dụng kỹ năng thực hành nghề nghiệp, các kỹ năng mềm trong can thiệp, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng tăng cường năng lực tự giải quyết các vấn đề của mình thông qua hoạt động giáo dục lý thuyết trên lớp và thực hành tại

cơ sở thực tập để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp;

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*

+ Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và trách nhiệm xã hội, có sức khỏe tốt để làm việc một cách độc lập cũng như khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể trong điều kiện làm việc thay đổi;

+ Có ý thức tự học, nghiên cứu và phát triển ngành Công tác xã hội trong tương lai, đổi mới và học tập suốt đời; có trách nhiệm đối với cộng đồng, tinh thần phục vụ nhân dân, đất nước.

+ Có ý thức, trách nhiệm công dân, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước

+ Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao. Chủ động, sẵn sàng hội nhập thị trường lao động khu vực và quốc tế.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong công việc; yêu nghề; có đạo đức nghề nghiệp; biết cách vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trong thực hiện vai trò và nhiệm vụ của mình; có quan điểm đúng đắn về giới và bình đẳng giới.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh của nhà trường.

2. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD – ĐT và theo đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

+ Tuyển thẳng

+ Xét tuyển học bạ

+ Xét tuyển kết quả thi THPT Quốc gia

Thí sinh chọn 1 trong 4 mã tổ hợp C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý); C03 (Ngữ văn, Toán, Lịch sử); C04 (Ngữ văn, Toán, Địa lý); D01 (Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ).

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 80 sinh viên/1 năm

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CDR	Chi tiết
	CDR - Kiến thức
KT1	- Xác định được kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất. Tích lũy được kiến thức nền tảng về tư tưởng, các quy luật về tự nhiên và xã hội để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.
KT2	- Giải thích và có khả năng phân tích, vận dụng những kiến thức tâm lý học, xã hội học, khoa học về giới, văn hóa, giao tiếp, khởi nghiệp,... làm cơ sở hiểu biết và phát triển các khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Công tác xã hội
KT3	- Có khả năng phân tích và vận dụng được các kiến thức về hành vi con người và môi trường xã hội làm cơ sở để vận dụng vào can thiệp và hỗ trợ đối tượng/thân chủ; - Hệ thống hóa kiến thức về chính sách xã hội, an sinh xã hội ở Việt Nam, phân tích được mối quan hệ giữa công tác xã hội và an sinh xã hội để có thể biện hộ cho các quyền cơ bản của con người - Vận dụng được kiến thức về phương pháp, vai trò, tiến trình, kỹ năng kỹ thuật, quy điều đạo đức nghề nghiệp đối với thân chủ, đồng nghiệp, cơ quan/tổ chức, xã hội đảm bảo an sinh xã hội cho các cá nhân, nhóm đối tượng yếu thế trong cộng đồng, xã hội; có thể thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ công tác xã hội như quản lý ca, tham vấn, quản trị, nghiên cứu... trong một số lĩnh vực Công tác xã hội;
KT4	- Phân tích và vận dụng được kiến thức cơ bản về văn hóa nghệ thuật để có thể can thiệp/trị liệu, truyền thông, giáo dục... trong thực hành công tác xã hội;
KT5	Phân tích, xử lý và ứng dụng các kiến thức chuyên ngành của CTXH như

	các nguyên tắc, triết lý, vai trò cũng như tiến trình và các phương pháp can thiệp đặc thù thông qua các hoạt động thực tế, thực tập CTXH và đảm bảo an sinh xã hội cho cá nhân, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ;
	CDR - Kỹ năng
KN1	Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực công tác xã hội nói chung;
KN2	Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm, vận dụng kỹ năng mềm trong các hoạt động công tác xã hội, truyền thông cũng như ứng xử giao tiếp ở các bối cảnh khác nhau;
KN3	- Có khả năng vận động chính sách nhằm biện hộ cho các quyền cơ bản của con người, biết phương pháp quản trị liên kết các cơ quan, tổ chức và mạng lưới trong xã hội để cung cấp dịch vụ tốt nhất đảm bảo an sinh xã hội cho từng đối tượng;
KN4	- Có khả năng sử dụng thành thạo các phương pháp công tác xã hội cá nhân, nhóm, cộng đồng cũng như các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực Công tác xã hội; Có kỹ năng vận dụng văn hóa - nghệ thuật để tổ chức các hoạt động trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH;
KN5	Phối hợp năng lực nghe, nói, đọc viết đạt trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Sử dụng được tin học văn phòng phù hợp công việc chuyên môn.
	CDR - Mức tự chủ và trách nhiệm
TC1	Sẵn sàng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện môi trường thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
TC2	Luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu, tâm huyết, chịu trách nhiệm trong công việc được giao; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp khi làm việc với thân chủ, đồng nghiệp và với ngành nghề mình phục vụ
TC3	Có ý thức, trách nhiệm công dân, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước

TC4	Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao. Chủ động, sẵn sàng hội nhập thị trường lao động khu vực và quốc tế.
TC5	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Với kiến thức chuyên sâu của ngành Công tác xã hội, sinh viên sau khi ra trường có thể đảm nhiệm nhiều vai trò, vị trí khác nhau:

- Là cán bộ, chuyên viên, nghiên cứu viên trong các cơ quan đơn vị thuộc ngành Lao động - Thương binh - Xã hội các cấp từ Trung ương đến địa phương;
- Là cán bộ, chuyên viên làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể: Đoàn - Hội thanh niên, Hội phụ nữ, Công đoàn...
- Là cán bộ văn hóa, xã hội tại các cơ quan xã, phường, thị trấn...
- Là nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực y tế và bệnh viện, trường học, tư pháp, phúc lợi xã hội, bảo trợ xã hội...
- Làm việc độc lập với vai trò là nhân viên công tác xã hội, kiểm huấn viên, nhà nghiên cứu hay cán bộ điều phối, cán bộ hoạch định chính sách tại các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho các đối tượng khác nhau thuộc cơ quan nhà nước, tư nhân, phi chính phủ, quốc tế...
- Là giảng viên, nghiên cứu viên về Công tác xã hội trong các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, trung tâm, các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp...
- Tự khởi nghiệp thành lập trung tâm, công ty cung cấp dịch vụ công tác xã hội phục vụ cộng đồng...

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên có cơ hội học chuyển tiếp lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngành Công tác xã hội cũng như có thể học chuyển đổi sang các ngành gần như Tâm lý học, Xã hội học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học trường học, Tâm lý học lâm sàng, Quản lý văn hóa, Văn hóa học... tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các học phần trong chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra														
	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5				
	KT1	KT ₂	KT3	KT ₄	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
1. Khối kiến thức chung (M1)															
Triết học Mác - Lênin	3					3					2		3	2	
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3					3					2		3	2	
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3					2					2		3	2	
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3					2					2		3	2	
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3					3					2		3	2	
Tin học cơ bản	1	2	3		3	1	2			3	1	2	3	2	
Tiếng Anh 1	1	2			2	1	2			2	1	2	3	2	
Tiếng Anh 2	1	2	3		2	1	2			3	1	2	3	2	
Giáo dục thể chất 1	2	3	3	1			3				3	3	3	2	
Giáo dục thể chất 2	2	3	3	3			3				3	3	3	2	
Pháp luật đại cương	2	2	3			2	2	3			1	2		2	
Giáo dục quốc phòng															

Các học phần trong chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra														
	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5				
	KT1	KT ₂	KT3	KT ₄	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2)															
2.1. Các học phần bắt buộc															
Xã hội học đại cương		2				3		2	2		3	2	3	2	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam		3	2			2	2						3	2	
Tâm lý học đại cương		3		5			2	2	2		4	5	3	2	
Tâm lý học phát triển và xã hội		3				3	2	2	2		3		3	2	3
Giới và phát triển		3				2	2	3	2		2	2	3	2	3
Phương pháp nghiên cứu khoa học		2		3			2							2	2
2.2. Các học phần tự chọn															
Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam		2				2							3	2	2
Kỹ năng giao tiếp		3				3	2	2				3	3	2	3
Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội		2				2							3	2	2
Kỹ năng khởi nghiệp		2					2						3	2	
3. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3)															

Các học phần trong chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra														
	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5				
	KT1	KT ₂	KT3	KT ₄	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
3.1. Các học phần bắt buộc															
Tiếng Anh chuyên ngành	1	2				1	2	3		3		2	3	2	2
Hành vi con người và môi trường xã hội			3	3			2						3	2	
Chính sách xã hội			3	3			2	3	2			2	3	2	
An sinh xã hội			3	3			3	3	2			2	3	2	
Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội			2	3				2	3			2	3	2	
Nhập môn công tác xã hội			3	2				2	3			2	3	2	
Công tác xã hội nhóm				3	3			2	3			2	3	2	
Công tác xã hội cá nhân				3	3			2	3			2	3	2	
Tham vấn			3	2				2	3				3	2	
Tổ chức và phát triển cộng đồng				2	3			2	3			2	3	2	
Công tác xã hội trong trường học			2					2	3			2	3	2	
Quản lý ca			2					2	3			2	3	2	
Thực hành công tác xã hội cá				3	3				3			2	3	2	2

Các học phần trong chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra														
	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5				
	KT1	KT ₂	KT3	KT ₄	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
nhân															
Đạo đức nghề nghiệp			3		2			3	2			2	3	2	
Thực hành phát triển cộng đồng			3	3	3				3			3	3	2	2
Thực hành công tác xã hội nhóm			3	3	3				3			3	3	2	2
Quản trị trong công tác xã hội			3	3	3				3			3	3	2	2
Văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội			3	3	3				3			3	3	2	3
3.2. Các học phần tự chọn															
Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể trong CTXH			3		2				3			2	3	2	2
Công tác xã hội với trẻ em			3		2			2	3			2	3	2	2
Công tác xã hội với người cao tuổi			3		2			2	3			2	3	2	2
Công tác xã hội với nhóm người dễ bị tổn thương			3		2			2	3			2	3	2	2
Công tác xã hội trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật			3		2			2	3			2	3	2	2
Công tác xã hội trong các khu công nghiệp			3		2			2	3			2	3	2	2

Các học phần trong chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra														
	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5				
	KT1	KT ₂	KT3	KT ₄	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
Công tác xã hội các dân tộc thiểu số			3		2			2	3			2	3	2	2
Công tác xã hội với người nghèo			3	3	2		2	2	3			2	3	2	2
Công tác xã hội trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm			3	3	2				3			2	3	2	2
Chăm sóc sức khỏe tâm thần			3	3	2			2	3			2	3	2	2
4. Khối kiến thức chuyên ngành (M4)															
4.1. Các học phần bắt buộc			3												
Công tác xã hội với người khuyết tật		2	3	3	2		3	3	3		2	3	3	2	2
Tổ chức và quản lý dự án văn hóa - nghệ thuật trong Công tác xã hội			2	3	2		2	3	3		2	3	3	2	
4.2. Các học phần tự chọn															
Công tác xã hội y tế - bệnh viện			2	3	2			3	2			2	3	2	2
Công tác xã hội tôn giáo			2	3	2			3	2			2	3	2	2
Quản lý stress với nhân viên xã hội			2	3	2			3	2			2	3	2	2
Phương pháp dàn dựng chương trình				3	2			2	3			2	3	2	2

Các học phần trong chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra														
	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
	Từ 1 đến 6					Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 5				
	KT1	KT ₂	KT3	KT ₄	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
nghệ thuật trong hoạt động Công tác xã hội															
Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt			2	3	2			3	2			2	3	2	2
5. Khối kiến thức thực tập, thực tế (M5)															
Thực tập công tác xã hội 1		2	2	3	3		3	3				3	3	2	2
Thực tập công tác xã hội 2		3	3	5	6	2	4	5	5		3	4	3	2	2
6. Khối kiến thức cuối khóa (M6)															
Khóa luận	3	3	3	5	5			4	4			3	3	2	2
<i>Học phần thay thế khóa luận</i>															
Ứng dụng văn hóa nghệ thuật trong công tác xã hội				4	5		4	5	4		3	4	3	2	2
Thực hành công tác xã hội				3	5		4	5	4		3	4	3	2	2

PHẦN VIII: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132 tín chỉ (không tính học phần Giáo dục quốc phòng)

1.1. Khối kiến thức chung (M1): 27 tín chỉ

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của khối ngành (M2): 18 tín chỉ

- Bắt buộc: 13 tín chỉ

- *Tự chọn: 5 tín chỉ/ 9 tín chỉ*

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3): 59 tín chỉ

- *Bắt buộc: 49 tín chỉ*

- *Tự chọn: 10 tín chỉ/20 tín chỉ*

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành (M4): 12 tín chỉ

- *Bắt buộc: 6 tín chỉ*

- *Tự chọn: 6 tín chỉ/10 tín chỉ*

1.5. Khối kiến thức thực tập, thực tế (M5): 6 tín chỉ

1.6. Khối kiến thức cuối khóa (M6): 10 tín chỉ

2. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	M1	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 27 tín chỉ (<i>không tính GD Quốc phòng, GDTC</i>)					
1	POL2009	Triết học Mác - Lênin Philosophy of Marxism-Leninism	3	39	12	99	Không
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political Economy of Marxism-Leninism	2	26	8	66	Triết học Mác - Lênin
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	26	8	66	Kinh tế chính trị Mác - Lênin

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2	26	8	66	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	2	26	8	66	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	INF2001	Tin học cơ bản Introduction to Informatics	2	10	20	70	Không
7	CLF2001	Tiếng Anh 1 English 1	4	52	16	132	Không
8	CLF2002	Tiếng Anh 2 English 2	3	39	12	99	Tiếng Anh 1
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	2	4	46	50	Không
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2	3	6	69	75	Giáo dục thể chất 1
11	POL2007	Pháp luật đại cương Introduction to Law	2	26	8	66	Triết học Mác - Lênin
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng National Defense Education					
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành: 18 tín chỉ					
II.1		Các học phần bắt buộc: 13 tín chỉ					
13	CLM2200	Xã hội học đại cương Introduction to Sociology	2	26	8	66	Không

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
14	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese Culture	3	39	12	99	Không
15	PPE2007	Tâm lý học đại cương Introduction to Psychology	2	26	8	66	Không
16	CLM2246	Tâm lý học phát triển và xã hội Developmental and Social Psychology	2	26	8	66	Tâm lý học đại cương
17	CLM2203	Giới và phát triển Gender and Development	2	26	8	66	Không
18	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	26	8	66	Không
II.2		<i>Các học phần tự chọn: 5/9 tín chỉ</i>					
19	CLM2204	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam Beliefs and religions in Vietnam	2	26	8	66	Không
20	PPE2022	Kỹ năng giao tiếp Communication Skills	2	26	8	66	Tâm lý học đại cương
21	CLM2206	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội Mass Media and Social Opinion	2	26	8	66	Không
22	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp Start-up skills	3	39	12	99	Không
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành: 59 tín chỉ					
III.1		<i>Các học phần bắt buộc: 49 tín chỉ</i>					
23	CLF2013	Tiếng Anh chuyên ngành English in Social Work	4	52	16	132	Tiếng Anh 2 English 2

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
24	CLM2207	Hành vi con người và môi trường xã hội Human Behavior and Social Environment	3	39	12	99	Không
25	CLM2208	Chính sách xã hội Social Policy	2	26	8	66	Không
26	CLM2209	An sinh xã hội Social Security	2	26	8	66	Không
27	CLM2210	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội Social work research method	2	26	8	66	Phương pháp nghiên cứu khoa học
28	CLM2211	Nhập môn công tác xã hội Introduction to social work	3	39	12	99	Không
29	CLM2212	Công tác xã hội nhóm Social Work Groups	3	39	12	99	Nhập môn công tác xã hội
30	CLM2213	Công tác xã hội cá nhân Social Work Individuals	3	39	12	99	Nhập môn công tác xã hội
31	CLM2214	Tham vấn Consultation	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
32	CLM2215	Tổ chức và phát triển cộng đồng Organization and Community Development	3	39	12	99	Nhập môn công tác xã hội
33	CLM2216	Công tác xã hội trong trường học Social work in School	3	39	12	99	Nhập môn công tác xã hội
34	CLM2217	Quản lý ca Case management	3	22,5	45	82,5	Nhập môn công tác xã hội
35	CLM2218	Thực hành công tác xã hội cá nhân Practice Social Work Individuals	3	22,5	45	82,5	Công tác xã hội cá nhân

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
36	CLM2219	Đạo đức nghề nghiệp Ethics Professional	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
37	CLM2220	Thực hành phát triển cộng đồng Practice Community Development	2	15	30	55	Tổ chức và phát triển cộng đồng
38	CLM2221	Thực hành công tác xã hội nhóm Practice Social Work Groups	3	22,5	45	82,5	Công tác xã hội nhóm
39	CLM2222	Quản trị trong công tác xã hội Administration in social work	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
40	CLM2223	Văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội Culture - Arts in Social work	4	52	16	132	Không
III.2		<i>Các học phần tự chọn: 10/20 tín chỉ</i>					
41	CLM2224	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể trong công tác xã hội The art of lecturing and organizing collective activities in social work	2	26	8	66	Không
42	CLM2225	Công tác xã hội với trẻ em Social work with Children	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
43	CLM2226	Công tác xã hội với người cao tuổi Social Work with Older People	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
44	CLM2227	Công tác xã hội với nhóm người dễ bị tổn thương Social work with vulnerable groups	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
45	CLM2228	Công tác xã hội trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật Social work in cultural and artistic organizations	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
46	CLM2229	Công tác xã hội trong các khu công nghiệp Social work in industrial zones	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
47	CLM2230	Công tác xã hội các dân tộc thiểu số Social work of ethnic minorities	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
48	CLM2231	Công tác xã hội với người nghèo Social work with the poor	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
49	CLM2232	Công tác xã hội trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm Social work in law and crime	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
50	CLM2233	Chăm sóc sức khỏe tâm thần Mental health care	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành: 12 tín chỉ					
IV.1		Các học phần bắt buộc: 6 tín chỉ					
51	CLM2234	Công tác xã hội với người khuyết tật Social Work with Disabled People	3	39	12	99	Nhập môn công tác xã hội
52	CLM2235	Tổ chức và quản lý dự án văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội Organizing and managing cultural and art projects in social work	3	39	12	99	Không

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
IV.2		Các học phần tự chọn: 6/10 tín chỉ					
53	CLM2236	Công tác xã hội y tế - bệnh viện Social work health - hospital	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
54	CLM2237	Công tác xã hội tôn giáo Religious social work	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
55	CLM2238	Quản lý Stress với nhân viên xã hội Stress management with social workers	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
56	CLM2239	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật trong hoạt động công tác xã hội Method of staging art programs in social work activities	2	15	30	55	Không
57	CLM2240	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt Social work with Disadvantage children	2	26	8	66	Nhập môn công tác xã hội
V		Khối kiến thức thực tập, thực tế: 6 tín chỉ					
58	CLM2241	Thực tập công tác xã hội 1 Practice social work 1	2	4	26	70	Nhập môn công tác xã hội
59	CLM2242	Thực tập công tác xã hội 2 Practice social work 2	4	8	52	140	Thực tập công tác xã hội 1
VI		Các học phần cuối khóa: 10 tín chỉ					
60	CLM2243	Khóa luận	10				Hoàn thành các học phần

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Bachelor Thesis					theo quy định
		<i>Học phần thay thế khóa luận</i>					
61	CLM2244	Ứng dụng văn hóa nghệ thuật trong Công tác xã hội Applying cultural arts in social work	5				Hoàn thành các học phần theo quy định
62	CLM3345	Thực hành công tác xã hội Practice social work	5				
Tổng số			132 tín chỉ				

3. Tóm tắt nội dung các học phần

I. Khối kiến thức giáo dục đại cương

1. POL2009, Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. POL2010, Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: POL2009, Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. POL2011, Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: POL2010, Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó cung cấp những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước,

đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

4. POL2003, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: POL2011, Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay.

5. POL2013, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: POL2003, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương 1, những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2, Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Chương 3, Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

6. INF2001, Tin học cơ bản (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu chung về môn tin học, làm quen với hệ điều hành WindowsXP, sử dụng thành thạo các phần mềm: soạn thảo văn bản Words 2013 (2007), Bảng tính

Excel 2003 (2007), Trình chiếu Power point 2003 (2007). Ứng dụng trong các công việc học tập và nghiên cứu hàng ngày

7. CLF2001, Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản về Ngữ pháp: cách dùng của động từ: “TO BE”, “HAVE GOT”, “CAN” ở hiện đơn, quá khứ đơn, thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai “Going to”; “Will”, tính từ so sánh ở các cấp,; Ngữ âm, từ vựng: Phát âm chuẩn các từ tiếng Anh về các chủ đề khác nhau như: quê quán, quốc tịch, các đồ vật trong gia đình, các từ nói về nghề nghiệp, màu sắc, thời tiết..., Sử dụng các từ để nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm..., Phát âm chuẩn số đếm, số điện thoại; Chủ điểm: về bản thân, gia đình, nhà trường, nghề nghiệp, thể thao, giải trí, thời trang, âm nhạc, mỹ thuật, học tập và vui chơi, sở thích, thời gian rảnh rỗi..

8. CLF2002, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLF2001, Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức ngữ pháp cơ bản như: cấu tạo và cách sử dụng của động từ ‘to be’ ở thì hiện tại đơn và quá khứ đơn, cấu trúc ‘have to/has to’, động từ khuyết thiếu ‘can’ ở thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, thì tương lai..., cấu tạo và cách sử dụng thì hiện tại đơn, cấu trúc ‘there is/there are’, thì quá khứ đơn với động từ thường, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn, so sánh của tính từ, cấu trúc ‘going to’, ‘Will’, thì hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện loại 1 “Will, first conditional” và 2 “Would, second conditional”, câu bị động “The passive”; Kiến thức từ vựng: Học thuộc cách phát âm, nghĩa của các từ vựng theo chủ điểm, có khả năng vận dụng chúng trong giao tiếp; Về Kỹ năng nghe và nói: Có khả năng nghe hiểu và giao tiếp trong các tình huống gặp nhau làm quen, mua sắm, giao tiếp trên điện thoại, chỉ đường, mời người khác cùng tham gia vào một việc nào đó. Có khả năng nghe hiểu và giao tiếp trong các tình huống phỏng vấn, đăng ký đi du lịch với đại lý du lịch, mua sắm, tình trạng sức khỏe, lên kế hoạch cho một việc cụ thể,...; Kỹ năng đọc hiểu: có khả năng đọc hiểu: đọc lướt (skimming) để tìm nội dung chính; đọc chi tiết (scanning) để tìm thông tin cụ thể; Phát âm: biết được bảng ký hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm của từ, nguyên âm, phụ âm, phát âm đuôi ‘ed’, trọng âm của câu

9. PPE2010, Giáo dục thể chất 1 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần chia làm 3 nội dung chính:

Thứ nhất: Thể dục cơ bản là các nội dung đội hình đội ngũ và các bài tập thể dục tay không được sắp xếp thành bài tập để người tập thường xuyên tập luyện ở mọi lúc mọi nơi, nhằm tăng cường sức khỏe và sự dẻo dai trong lao động.

Thứ hai: Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là nội dung nằm trong bộ môn Điền kinh. Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là môn thể thao có lịch sử lâu đời, được ưa chuộng và phổ cập rộng rãi trên thế giới. Với nội dung phong phú đa dạng, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong một số những bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện là tiền đề để phát triển các môn thể thao khác.

Thứ ba: Thể dục Aerobic: là một dạng của Aerobic với mục đích nâng cao thể lực nói chung và sức bền nói riêng cho người tập. Nó được thực hiện nhờ vận động tại chỗ và di chuyển trong sự phối hợp với nhạc đệm - dẫn dắt nhịp. Cường độ vận động của thể dục Aerobic phụ thuộc vào tính chất, mục đích xây dựng của bài tập.

10. PPE2011, Giáo dục thể chất 2 (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: PPE2010, Giáo dục thể chất 1 (3 tín chỉ)

Học phần được chọn 3 nội dung:

- Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông): Học phần Cầu lông là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lịch sử ra đời môn Cầu lông, các kỹ thuật cơ bản trong đánh cầu lông, thi đấu cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông. Ngoài ra học phần giúp cho người học hiểu được vai trò, chức năng của cầu lông trong rèn luyện giáo dục thể chất nói chung và trong hoạt động thể dục thể thao nói riêng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận động, xác định mục tiêu học phần, bài học.

- Giáo dục thể chất 2 (Khiêu vũ): Khiêu vũ thể thao gồm hai trường phái (Latin American và Standard), trong đó mỗi trường phái có 5 vũ điệu và được Liên đoàn khiêu vũ thể thao quốc tế lựa chọn làm các nội dung thi đấu trong hệ thống thi đấu quốc tế. Chương trình học phần tự chọn - Khiêu vũ thể thao trong nội dung học phần Giáo dục thể chất của Trường Đại học sư phạm Nghệ thuật Trung ương là trường phái Latin American (bao gồm các vũ điệu: Cha cha cha, Rumba, Samba, Jive và

Paso Doble). Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Khiêu vũ thể thao (Luật Khiêu vũ thể thao và các tư thế liên kết cơ bản). Bên cạnh đó, mỗi một vũ điệu giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, xuất xứ các vũ điệu, cách đếm nhạc và vào nhạc, các vũ hình cơ bản để sinh viên có thể tự dựng một bài riêng cho đôi nhảy của mình.

- Giáo dục thể chất 2 (Võ): Võ thuật gồm nhiều môn phái như (Võ cổ truyền, Karate, Vovinam, Taekwondo...), trong đó trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương chọn môn võ Karate làm một trong ba học phần tự chọn của trường. Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Võ thuật (Luật Võ Karate và các tư thế tấn, các đòn đâm, đá). Bên cạnh đó, mỗi bài quyền giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về yếu lĩnh kỹ thuật của từng tư thế động tác, cách sử dụng lực ở từng đòn đâm, đá và cách di chuyển trong bài quyền để sinh viên có thể thực hiện đúng và liên hoàn các thế võ.

11. POL2007, Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: POL2009, Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên không chuyên luật những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật nói chung, những vấn đề cơ bản nhất về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vấn đề hội nhập, hợp tác quốc tế. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật góp phần hình thành những thế hệ công dân có hiểu biết về pháp luật và có ý thức thượng tôn pháp luật. Việc nghiên cứu học tập những nội dung cơ bản đó có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn này, khi mà Đảng và Nhà nước ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN.

12. GDQP, Giáo dục quốc phòng

Học phần tiên quyết: Không

Theo chương trình học của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng

II. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành

13. CLM2200, Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và có hệ thống về xã hội học: đối tượng, chức năng của xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội

học, cơ cấu của môn xã hội học: lý thuyết và thực hành, hệ thống các khái niệm và nguyên lý cơ bản của xã hội học, các chuyên ngành xã hội học, một số phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học và quan hệ giữa Xã hội học và Công tác xã hội.

14. CLM2001, Cơ sở văn hóa Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần căn bản, thiết thực đối với sinh viên thuộc khối ngành khoa học xã hội và nhân văn, văn hóa - nghệ thuật. Học phần chiếm thời lượng 3 tín chỉ, là học phần mang tính bắt buộc của sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương. Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về văn hóa như: Khái niệm về văn hóa, về điều kiện hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam; cấu trúc của văn hóa Việt Nam (các thành tố tạo nên văn hóa Việt Nam); tiến trình văn hóa Việt Nam (tiếp cận văn hóa theo chiều “thời gian”); các vùng văn hóa Việt Nam (tiếp cận văn hóa theo chiều “không gian”); khái lược về một số loại hình nghệ thuật: âm nhạc, hội họa, sân khấu, trang phục (đây cũng là những lĩnh vực gắn liền với các chuyên ngành đào tạo tại trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương).

15. PPE2007, Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu cho sinh viên đối tượng, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học đại cương. Đồng thời cung cấp những khái niệm cơ bản của tâm lý học đại cương, bản chất của hiện tượng tâm lý, cơ sở sinh lý thần kinh của các hiện tượng tâm lý người và hiểu biết các quá trình tình cảm, xúc cảm, nhận thức và ý chí. Qua học phần này, sinh viên sẽ nắm được bản chất của nhân cách và các thuộc tính của nhân cách.

16. CLM2246, Tâm lý học phát triển và xã hội (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: PPE2007, Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát chung về Tâm lý học phát triển và Tâm lý học xã hội với tư cách là một khoa học; hiểu rõ được sự phát triển tâm lý nói chung và các đặc điểm tâm lý của trẻ em qua các giai đoạn lứa tuổi khác nhau; các kiến thức cơ bản về: nhóm, tập thể và đám đông, vấn đề thủ lĩnh và người lãnh đạo nhóm; bản chất, vai trò, cơ chế hình thành các hiện tượng tâm lý xã

hội; vấn đề giao tiếp xã hội; hành vi xã hội; vấn đề nhân cách xã hội: Khái niệm, cấu trúc, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và thay đổi nhân cách.

17. CLM2203, Giới và phát triển (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Giới và phát triển cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giới và phát triển: Các khái niệm cơ bản liên quan đến giới, cách tiếp cận nghiên cứu giới và phát triển, bình đẳng giới trong đời sống xã hội; Các kiến thức cơ bản về luật pháp, chính sách liên quan đến bình đẳng giới ở Việt Nam và quốc tế; Các kỹ năng thực hiện lồng ghép giới trong hoạt động truyền thông và trong các chương trình, chính sách, dự án phát triển.

18. PPE2008, Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và hệ thống về phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học cụ thể và vận dụng các phương pháp đó trong nghiên cứu và hoạt động xã hội, cụ thể là: phương pháp luận, quan sát, phân tích tư liệu, phỏng vấn cá nhân, phỏng vấn nhóm, phỏng vấn sâu, phỏng vấn tiêu sử, chọn mẫu... Giúp sinh viên biết lựa chọn và sử dụng các phương pháp định tính, định lượng các phương pháp xử lý thông tin, biết xây dựng một chương trình, kế hoạch nghiên cứu

19. CLM2204, Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần này giúp sinh viên nắm được một số vấn đề lý luận về tín ngưỡng, tôn giáo, những điểm căn bản về quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo trong bối cảnh hiện nay. Học phần trình bày một số đặc điểm cơ bản của tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Đối với nội dung về tín ngưỡng, học phần trình bày một số hình thức tín ngưỡng cơ bản ở Việt Nam như thờ cúng tổ tiên, thờ Thành Hoàng, thờ Mẫu, thờ Đức Thánh Trần, tín ngưỡng Bách nghệ Tổ sư. Đối với nội dung cụ thể về tôn giáo, tóm tắt những nội dung cơ bản về sự ra đời và phát triển của một số tôn giáo tiêu biểu, giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tổ chức của Phật giáo, Công giáo, Đạo Tin Lành, Hồi giáo, Đạo Cao đài và Phật giáo Hòa Hảo.

20. PPE2022, Kỹ năng giao tiếp (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: PPE2007, Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của kỹ năng giao tiếp như: Kỹ năng giao tiếp thông thường, kỹ năng thuyết phục và thuyết trình, kỹ năng phỏng vấn... Nhận thức được vai trò quan trọng của giao tiếp, đặc điểm của giao tiếp từ đó giúp người học hiểu được những vấn đề thực tế đặt ra trong lĩnh vực giao tiếp hiện nay góp phần nâng cao hiệu quả giao tiếp trong đời sống và hoạt động thực hành chuyên môn

21. CLM2206, Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về truyền thông đại chúng bao gồm: Đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển truyền thông đại chúng, những ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đến đời sống xã hội. Có kiến thức cơ bản và có hệ thống về nguồn gốc, bản chất, vai trò, ảnh hưởng của dư luận xã hội và các phương pháp điều tra dư luận xã hội. Mối quan hệ 2 chiều giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội.

22. PPE2030, Kỹ năng khởi nghiệp (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần được xây dựng từ bộ tài liệu “Kỹ năng toàn diện – Nền tảng cốt lõi để khởi nghiệp thành công” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt triển khai tại các cơ sở đào tạo. Học phần bao gồm 07 nhóm kỹ năng cần thiết và quan trọng đối với người học, bao gồm:

- (1) Kỹ năng nhận thức bản thân;
- (2) Kỹ năng làm chủ cảm xúc;
- (3) Kỹ năng tương tác xã hội;
- (4) Kỹ năng làm việc;
- (5) Kỹ năng quản lý;
- (6) Kỹ năng lãnh đạo;
- (7) Kỹ năng khởi nghiệp thành công.

Mỗi nhóm kỹ năng này bao gồm các kỹ năng hoặc chủ đề nhỏ khác, được xây dựng theo nguyên tắc từ nội dung đơn giản đến nâng cao và chuyên sâu và mang tính thực tiễn (Tổng thể học phần bao gồm 7 nhóm kỹ năng lớn với 10 chủ đề nhỏ, tương đương với 10 buổi học/03 tín chỉ của học phần này)

III. Khối kiến thức cơ sở ngành

23. CLF2013, Tiếng Anh chuyên ngành (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLF2002, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Học phần nhằm giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nói, viết tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành CTXH. Thông qua các bài học tiếng Anh có chủ đề về CTXH, sinh viên sẽ có cơ hội biết, hiểu và sử dụng được các từ khoá chuyên môn. Đồng thời các chủ điểm ngữ pháp được lồng ghép vào các bài học sẽ giúp sinh viên củng cố thêm những hiểu biết và kỹ năng tiếng Anh đã được tích lũy trong các học phần về tiếng Anh.

24. CLM2207, Hành vi con người và môi trường xã hội (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần giúp sinh viên hiểu được các yếu tố cơ bản về sinh học, vật lý học, văn hoá và xã hội của mỗi cá nhân con người gắn liền với các hệ thống xã hội. Làm rõ mối tương tác qua lại giữa hành vi con người với môi trường trong suốt vòng đời của các đối tượng khách hàng khác nhau, cá nhân, nhóm, gia đình đặc biệt nhấn mạnh đến ảnh hưởng của các giá trị, nhu cầu, mục đích của hệ thống xã hội, gắn liền với Công tác xã hội.

25. CLM2208, Chính sách xã hội (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu một số quan điểm, quan niệm, khái niệm về chính sách xã hội, vai trò của chính sách xã hội trong quá trình phát triển xã hội, quan hệ giữa chính sách xã hội và Công tác xã hội. Vận dụng một số kiến thức về chính sách xã hội vào thực tiễn xã hội Việt Nam.

26. CLM2209, An sinh xã hội (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần giúp sinh viên tiếp cận khái niệm khoa học về vấn đề xã hội và An sinh xã hội. Những nội dung cơ bản về An sinh xã hội; Các lý thuyết cơ bản về An sinh xã hội trên thế giới; Các mô hình, các thể chế về ASXH; Mô hình An sinh xã hội Việt Nam qua các thời kỳ.

27. CLM2210, Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: PPE2008, Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về phương pháp luận đối với các vấn đề

nghiên cứu của Công tác xã hội; biết vận dụng kiến thức đó để phân tích một vấn đề cụ thể của công tác xã hội; cách phát hiện, xác định và lựa chọn một vấn đề nghiên cứu trong công tác xã hội, bản chất của việc thao tác hóa các khái niệm của đề tài, kiến thức cần thiết để hình thành bộ công cụ cho việc thu thập thông tin thực nghiệm nhằm giải quyết vấn đề đặt ra trong một đề tài nhất định.

28. CLM2211, Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần này nhằm giúp sinh viên hiểu được CTXH là một ngành khoa học và một nghề riêng biệt. Sinh viên sẽ được giới thiệu đôi nét về lịch sử hình thành, nền tảng triết lý và khoa học, các đặc trưng cơ bản của công tác xã hội, các giá trị và quy tắc đạo đức và nguyên tắc hành động của ngành, quan hệ giữa công tác xã hội với các ngành khoa học khác như Triết học, Xã hội học, Sinh học, Y học... Đồng thời giúp sinh viên nhận thức rõ các lĩnh vực hoạt động của Công tác xã hội.

29. CLM2212, Công tác xã hội nhóm (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên khái niệm nhóm trong Công tác xã hội, Công tác xã hội nhóm, sự khác nhau giữa Công tác xã hội nhóm với tâm lý nhóm, mục đích, nội dung phương pháp Công tác xã hội với nhóm, bước đầu vận dụng kiến thức và kỹ năng về năng động nhóm, vai trò cán bộ xã hội tác động vào tiến trình nhóm.

30. CLM2213, Công tác xã hội cá nhân (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên, mục đích, vị trí, vai trò và nội dung của phương pháp CTXH với cá nhân, lịch sử hình thành và phát triển của phương pháp này, quan hệ giữa nhân viên CTXH với khách hàng (thân chủ), hiểu rõ các bước đi, nguyên tắc của phương pháp này. Quan đó, sinh viên được trang bị một số kỹ năng riêng của Công tác xã hội với cá nhân (với từng thân chủ cụ thể)

31. CLM2214, Tham vấn (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần này giới thiệu với sinh viên một số khái niệm cơ bản về tham vấn, một số phương pháp và kỹ năng cơ bản, các bước và các giai đoạn trong quá trình tham vấn, giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc trong tham vấn, các phẩm chất đạo đức của

nhà tham vấn. Cung cấp cho sinh viên tiến trình, nguyên tắc, kỹ năng tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm và tham vấn gia đình

32. CLM2215, Tổ chức và phát triển cộng đồng (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về cộng đồng, phát triển cộng đồng; thông qua đó sinh viên hình thành các kỹ năng nhận diện, đánh giá vấn đề cộng đồng, lên các ý tưởng, dự án đầu tư để biến cộng đồng từ chỗ yếu kém trở thành cộng đồng phát triển tự lực. Học phần bao gồm các nội dung chính như: Tổng quan về tổ chức và phát triển cộng đồng; Tác viên phát triển cộng đồng, Tiến trình phát triển cộng đồng, Một số hoạt động và các phương pháp sử dụng trong phát triển cộng đồng.

33. CLM2216, Công tác xã hội trong trường học (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực CTXH trong học đường: Những vấn đề chung về CTXH trong trường học; Cơ sở lý luận của CTXH trường học; Hệ thống trường học và một số vấn đề trong trường học hiện nay; Một số mô hình, phương pháp và kỹ năng CTXH trợ trợ giúp, can thiệp cho học sinh trong trường học

34. CLM2217, Quản lý ca (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý ca trong CTXH như: khái niệm, đặc điểm và triết lý, nguyên tắc của quản lý ca, một số kỹ năng cơ bản của quản lý ca; Trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện các bước trong tiến trình quản lý ca: tiếp nhận, đánh giá, lập kế hoạch can thiệp, thực hiện kế hoạch, giám sát, lượng giá và kết thúc ca. Sinh viên được thực hành các bước trong tiến trình quản lý ca vào hỗ trợ cho những đối tượng yếu thế khác nhau.

35. CLM2218, Thực hành công tác xã hội cá nhân (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2213, Công tác xã hội cá nhân (3 tín chỉ)

Học phần này rèn luyện kỹ năng làm việc với cá nhân thông qua hoạt động thực địa: Cách tìm kiếm thân chủ, tiếp nhận thân chủ, thu thập thông tin, xác định vấn đề, lên kế hoạch giải quyết vấn đề, hỗ trợ thân chủ triển khai kế hoạch, giải quyết các vấn đề

nảy sinh trong quá trình hỗ trợ, lượng giá các kết quả là được từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho cả sinh viên và thân chủ.

36. CLM2219, Đạo đức nghề nghiệp (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về đạo đức nghề Công tác xã hội: khái niệm triết lý, các giá trị, các nguyên tắc của CTXH và các tiêu chuẩn đạo đức toàn cầu của NVCTXH ở các nước cũng như ở Việt Nam. Cung cấp kiến thức cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến quy định tiêu chuẩn đạo đức nghề công tác xã hội, các nguyên tắc cơ bản của công tác xã hội, các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, các chuẩn mực đạo đức quy định đối với nhân viên công tác xã hội, những tiêu chuẩn đạo đức đã được thể hiện trong thực hành công tác xã hội ở Việt Nam. Những thuận lợi và thách thức trong vận dụng Đạo đức nghề Công tác xã hội tại các nước và Việt Nam.

37. CLM2220, Thực hành phát triển cộng đồng (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2215, Tổ chức và phát triển cộng đồng (3 tín chỉ)

Học phần này rèn luyện sinh viên kỹ năng tiếp cận địa phương và vận dụng các kỹ năng đã học trong học phần phát triển cộng đồng để tiếp cận, thiết lập mối quan hệ, xây dựng công cụ để thực hiện việc thu thập thông tin về cộng đồng một cách hiệu quả; Tổ chức cuộc họp dân để báo cáo về kết quả thu thập thông tin và hỗ trợ người dân xác định được vấn đề bức xúc nhất để cùng nhau xây dựng kế hoạch giải quyết vấn đề; Thực hiện các kỹ năng CTXH nhằm thay đổi nhận thức, tăng cường năng lực cho người dân và cán bộ nòng cốt trong cộng đồng.

38. CLM2221, Thực hành công tác xã hội nhóm (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2212, Công tác xã hội nhóm (3 tín chỉ)

Học phần này rèn luyện sinh viên cách thức vận dụng quy trình, kỹ năng CTXH nhóm trong việc thành lập, tổ chức, điều hành sinh hoạt nhóm của một nhóm đối tượng cụ thể trong cộng đồng hoặc trong các cơ sở xã hội.

39. CLM2222, Quản trị trong công tác xã hội (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quản trị và quản trị trong CTXH; các hoạt động trong quản trị CTXH: hoạch định, lãnh đạo, tổ chức nhân sự, kiểm tra, giám sát, kiểm huấn; các kỹ năng cần có trong quản trị CTXH

40. CLM2223, Văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Nắm chắc kiến thức cơ bản như: Các loại hình nghệ thuật phổ biến, khái niệm, đặc trưng, vai trò, của văn hóa và nghệ thuật trong nhóm đối tượng công tác xã hội hướng đến. Hiểu và phân tích kỹ năng vận dụng một số loại hình nghệ thuật vào tổ chức các hoạt động công tác xã hội, phù hợp với từng đối tượng. Thực hành một số hoạt động cụ thể vào đối tượng thân chủ.

41. CLM2224, Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể trong công tác xã hội (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên tiến trình diễn giảng các hoạt động tập thể được ứng dụng trong các hoạt động công tác xã hội. Thông qua học phần, sinh viên cũng được cung cấp và thực hành các kỹ năng tổ chức các sự kiện tại các tổ chức xã hội khác nhau đặc biệt các sự kiện phục vụ đối tượng yếu thế trong xã hội

42. CLM2225, Công tác xã hội với trẻ em (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Công tác xã hội với trẻ em là một học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân công tác xã hội. CTXH với trẻ em là một trong những lĩnh vực cơ bản của nghề công tác xã hội, được hình thành trong bối cảnh mạng lưới phát triển của hệ thống an sinh xã hội nói chung và an sinh nhi đồng nói riêng. Công tác xã hội với trẻ em bao gồm những nội dung như sau: Khái niệm, chức năng, vai trò của công tác xã hội với trẻ; Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Hệ thống chính sách pháp luật trong chăm sóc và bảo vệ trẻ em; Tiến trình công tác xã hội với trẻ em; Các kỹ năng, kỹ thuật trong công tác xã hội với trẻ em. Qua đó giúp cho người học có được những kiến thức cơ bản về trẻ em và CTXH với trẻ em, hình thành năng lực hỗ trợ cho trẻ em giúp trẻ em được bảo vệ và phát triển

43. CLM2226, Công tác xã hội với người cao tuổi (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về người cao tuổi như: khái niệm, đặc điểm, nhu cầu của người cao tuổi; Hệ thống luật pháp, chính sách và các mô hình trợ giúp người cao tuổi; Các phương pháp hỗ trợ của công tác xã hội để nâng

cao nhận thức và huy động nguồn lực cộng đồng vào công tác chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi. *Học phần tiên quyết:*

44. CLM2227, Công tác xã hội với nhóm người dễ bị tổn thương (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về phương pháp và kỹ năng thực hành CTXH đối với những nhóm người nhiễm HIV/AIDS, với nhóm ma túy, mại dâm, phạm pháp và những phụ nữ yếu thế qua việc nắm được những đặc điểm đặc trưng của những nhóm này. Từ đó vận dụng để giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội; xu hướng phát triển công tác xã hội với các nhóm dễ bị tổn thương này.

45. CLM2228, Công tác xã hội trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Trình bày được những vấn đề chung, mô hình, vai trò, chức năng của các tổ chức văn hóa, nghệ thuật. Hiểu được những vấn đề cơ bản nhất về sự tương quan, mối liên hệ giữa công tác xã hội trong các tổ chức văn hóa, nghệ thuật. Vận dụng, liên hệ kiến thức về công tác xã hội để thiết kế, xây dựng và tổ chức các hoạt động đối với/trong các tổ chức văn hóa, nghệ thuật.

46. CLM2229, Công tác xã hội trong các khu công nghiệp (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng các chức năng, phương pháp CTXH đối với cá nhân, nhóm, gia đình, cộng đồng tại các khu lao động có nhiều khó khăn, các cơ sở lao động có nhiều vấn đề xã hội như sập hầm lò, ô nhiễm môi trường... Qua đó hỗ trợ các cá nhân, nhóm, gia đình và cộng đồng có điều kiện phát triển.

47. CLM2230, Công tác xã hội các dân tộc thiểu số (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề lý luận, quan điểm nhận thức về vấn đề dân tộc và dân tộc thiểu số, đặc điểm của các dân tộc thiểu số và những vấn đề cơ bản của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Những chương trình, chính sách xã hội đặc thù của Đảng và Nhà nước hỗ trợ phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội vùng dân tộc thiểu số. Hiểu và phân tích được vai trò, tiến trình công tác xã hội với cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng dân tộc thiểu số dựa trên các nguyên tắc cơ

bản trong công tác xã hội.

48. CLM2231, Công tác xã hội với người nghèo (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần trình bày một số khái niệm cơ bản về nghèo đói, biểu hiện của nghèo đói, chuẩn nghèo, thực trạng nghèo đói ở Việt Nam và trên thế giới. Phân tích được nguyên nhân nghèo đói, đặc điểm tâm lý – xã hội của người nghèo, một số chương trình, chính sách, mô hình xóa đói giảm nghèo của Việt Nam. Vai trò công tác xã hội với người nghèo, nhóm người nghèo và cộng đồng nghèo

49. CLM2232, Công tác xã hội trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức về mối quan hệ giữa lệch chuẩn và vi phạm pháp luật, giữa vi phạm pháp luật và tội phạm, hiểu rõ các loại hình tội phạm trong xã hội. Đồng thời phát huy các chức năng của CTXH trong lĩnh vực này, nhất là chức năng ngăn chặn, chữa trị, phục hồi và phát triển.

50. CLM2233, Chăm sóc sức khỏe tâm thần (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức về trách nhiệm của CTXH trong việc phối hợp với các bác sĩ tâm thần, các bệnh viện, cơ sở chữa trị để cùng với họ chăm sóc bệnh nhân, điều trị bệnh nhân qua các chu kỳ bệnh lý của tâm thần. Sự phát triển của tâm thần học, quá trình gây bệnh, cũng như hiểu được bản chất của các rối nhiễu tâm lý và rối loạn tâm thần cũng như cách hỗ trợ, can thiệp. Trên cơ sở đó, tìm hiểu được mối quan hệ giữa các nhân tố: các đặc điểm tâm lý xã hội và nhu cầu của người bệnh, gia đình bệnh nhân và vai trò của nhân viên xã hội trong lĩnh vực tâm thần.

IV. Khối kiến thức chuyên ngành

51. CLM2234, Công tác xã hội với người khuyết tật (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về người khuyết tật như khái niệm, đặc điểm, nhu cầu của người khuyết tật; Các cách tiếp cận khác nhau về vấn đề khuyết tật; Hệ thống luật pháp, chính sách và các mô hình trợ giúp người khuyết tật; Các phương pháp, kỹ năng cơ bản trong trợ giúp và làm việc với người khuyết tật.

52. CLM2235, Tổ chức và quản lý dự án văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức và xây dựng dự án văn hóa nghệ thuật trong lĩnh vực công tác xã hội. Hiểu được quy trình, ý nghĩa và mục đích của việc xây dựng dự án văn hóa nghệ thuật trong công tác xã hội.

53. CLM2236, Công tác xã hội y tế - bệnh viện (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp những tri thức và kỹ năng cần thiết để nhân viên CTXH có thể làm việc được như một thành viên trong đội ngũ đa ngành trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Nội dung học phần được kết cấu thành chương với những khối kiến thức cơ bản liên quan đến: tổng quan về hệ thống chăm sóc sức khỏe, vai trò của nhân viên xã hội... Các dịch vụ hỗ trợ của nhân viên CTXH trong bệnh viện, cũng như rèn luyện cho người học các kỹ năng thực hành cơ bản trong chăm sóc sức khỏe, trên cơ sở sử dụng các phương pháp chính của nhân viên CTXH

54. CLM2237, Công tác xã hội tôn giáo (tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp hệ thống lý thuyết trong nghiên cứu tôn giáo, các hướng tiếp cận nghiên cứu tôn giáo đặc biệt là vai trò, chức năng của tôn giáo đối với xã hội; mối quan hệ giữa thiết chế tôn giáo và các thiết chế xã hội cơ bản khác như tôn giáo và thiết chế kinh tế; thiết chế chính trị; thiết chế văn hóa; thiết chế giáo dục; thiết chế gia đình; thiết chế báo chí, mối quan hệ giữa tôn giáo với các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể và trong mỗi đoàn kết toàn dân tộc.

55. CLM2238, Quản lý Stress với nhân viên xã hội (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Nhân viên CTXH là những người thường xuyên đối mặt với những vấn đề xã hội, đối mặt với những rủi ro, nguy hiểm. Do vậy, học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để vượt qua khủng hoảng tâm lý trong quá trình hoạt động nghề nghiệp của mình.

56. CLM2239, Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật trong hoạt động công tác xã hội (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật trong hoạt động công tác xã hội bao gồm những kiến thức lý luận về phương pháp, xây dựng kế hoạch để tổ chức, dàn dựng một số loại hình chương trình nghệ thuật mang tính tổng hợp; cách thức dàn dựng tiết mục nghệ thuật thuộc thể loại Ca, Múa, Nhảy, Nhạc, Kịch... với nhiều hình thức trình diễn khác nhau; các kỹ năng trình diễn nghệ thuật; những kiến thức cơ bản về thiết kế, lựa chọn âm nhạc, múa, tiểu phẩm, trực quan, âm thanh, ánh sáng, trang phục, đạo cụ, sân khấu...; các nội dung hỗ trợ cho đạo diễn, dàn dựng, trình diễn chương trình nghệ thuật.

57. CLM2240, Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như: Hệ thống các khái niệm, đặc điểm tâm lý, nhu cầu, quyền, hệ thống chính sách, pháp luật của thế giới và Việt Nam đối với nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, những dấu hiệu nhận biết trẻ em bị ngược đãi và có nguy cơ. Các mô hình và dịch vụ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và kỹ năng, kỹ thuật của nhân viên Công tác xã hội khi làm việc với nhóm trẻ này.

V. Khối kiến thức thực tập, thực tế

58. CLM2241, Thực tập công tác xã hội 1 (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2211 Nhập môn công tác xã hội (3 tín chỉ)

Học phần rèn luyện kỹ năng thực tế cho sinh viên tìm hiểu về các chính sách an sinh xã hội dành cho các nhóm đối tượng yếu thế tại cơ sở thực tập; cơ cấu tổ chức, bộ máy lãnh đạo, chức năng nhiệm vụ và các hoạt động công tác xã hội tại cơ sở thực tập; Phân biệt được công tác xã hội với hoạt động nhân đạo, từ thiện và việc thực hiện chính sách xã hội, phúc lợi xã hội, hoạt động xã hội, phong trào xã hội; Phân biệt được nhân viên công tác xã hội với cán bộ tổ chức, đoàn thể, cán bộ, nhân viên của các cơ sở bảo trợ xã hội. Liên hệ thực tiễn với các kiến thức về nghề công tác xã hội đã học.

59. CLM2242, Thực tập công tác xã hội 2 (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: CLM2241, Thực tập công tác xã hội 1 (2 tín chỉ)

Học phần này tập trung vào việc rèn luyện khả năng ứng dụng kiến thức CTXH đặc

thù của sinh viên để hình thành các kỹ năng làm việc với các thân chủ và nhóm thân chủ, cộng đồng, thông qua tiếp cận, thu thập thông tin, xác định vấn đề và nhu cầu, xây dựng kế hoạch, can thiệp và các hoạt động nâng cao năng lực cho các hệ thống thân chủ, hệ thống đích và các hệ thống hành động có liên quan. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các kiến thức tổng quát trong chương trình đào tạo đã được trang bị tại nhà trường để tìm hiểu phân tích các chương trình, chính sách của Nhà nước trong việc hỗ trợ đối tượng giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu.

VI. Khối kiến thức cuối khóa

60. CLM2243 Khóa luận (10 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo

Là học phần tổng hợp của chương trình đào tạo đại học ngành Công tác xã hội. Học phần này được bố trí thực hiện sau cùng khi sinh viên đã hoàn thành các điều kiện để xét tốt nghiệp; là một bài tập nghiên cứu một vấn đề trong công tác xã hội dưới dạng một đề tài nghiên cứu khoa học. Sinh viên phải hoàn thành và bảo vệ trước hội đồng chấm khóa luận để thông qua. Học phần khóa luận tốt nghiệp đánh giá tổng hợp khả năng của sinh viên trong quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp công tác xã hội.

Học phần thay thế khóa luận

61. CLM2244, Ứng dụng văn hóa nghệ thuật trong công tác xã hội (5 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo

Nắm chắc phương pháp tổ chức hoạt động nghệ thuật phổ biến, hiểu cách triển khai ứng dụng tiến trình văn hóa và nghệ thuật trong nhóm đối tượng và trong cộng đồng xã hội. Hiểu văn hóa vùng miền và có kỹ năng vận dụng một số loại hình nghệ thuật vào tổ chức các hoạt động công tác xã hội, phù hợp nhu cầu cộng đồng. Ứng dụng tổ chức các hoạt động cụ thể vào đối tượng, nhóm đối tượng.

62. CLM3345, Thực hành công tác xã hội (5 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo

Giúp sinh viên rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức CTXH đặc thù, hình thành các kỹ năng làm việc với các thân chủ và nhóm, thông qua các kỹ năng tiếp cận để hỗ trợ xây dựng kế hoạch. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các kiến thức tổng quát trong chương trình đào tạo đã được trang bị tại nhà trường để kết nối nguồn lực, tìm hiểu phân tích các chương trình, chính sách của Nhà nước trong việc hỗ trợ đối tượng

giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu luôn biến đổi của xã hội.

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

4.1. Về tiến trình đào tạo

Người quản lý đào tạo cần căn cứ khung chương trình để sắp xếp lịch học toàn khóa và thời khóa biểu mỗi học kỳ, cho sinh viên đăng kí học phần, vì tại đó đã ghi rõ tên khối kiến thức, tên học phần, số tín chỉ, loại giờ tín chỉ, môn tiên quyết nhằm đảm bảo được tính logic về quá trình nhận thức, đảm bảo được khối lượng kiến thức, thời lượng học tập hợp lý cho mỗi học kỳ, theo quy định của Quy chế.

Chương trình đào tạo cử nhân Công tác xã hội được tổ chức triển khai theo mô hình đào tạo kết hợp. Toàn bộ chương trình được triển khai thực hiện với sự phối hợp giữa trường ĐHSP Nghệ Thuật TW và các đơn vị tham gia đào tạo theo sự phân công của trường

Sau đây là dự kiến tiến trình đào tạo toàn khóa theo học kỳ:

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kì								Điều kiện tiên quyết
				1	2	3	4	5	6	7	8	
I	M1	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 27 tín chỉ (không tính học phần Giáo dục quốc phòng)										
1	POL2009	Triết học Mác - Lênin	3	X								Không
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		X							Triết học Mác - Lênin
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			X						Kinh tế chính trị Mác - Lênin
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				X					Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	POL2012	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					X				Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	INF2001	Tin học cơ bản	2				X					Không

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kì								Điều kiện tiên quyết
				1	2	3	4	5	6	7	8	
7	CLF2001	Tiếng Anh 1	4	X								Không
8	CLF2002	Tiếng Anh 2	3		X							Tiếng Anh 1
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	X								Không
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3		X							Giáo dục thể chất 1
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2			X						Triết học Mác - Lênin
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng										Không
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành: 18 tín chỉ										
II.1		Học phần bắt buộc: 13 tín chỉ										
13	CLM2200	Xã hội học đại cương	2			X						Không
14	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3				X					Không
15	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2	X								Không
16	CLM2246	Tâm lý phát triển và xã hội	2		X							Không
17	CLM2203	Giới và phát triển	2		X							Không
18	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2						X			Không
II.2		Học phần tự chọn	5/9									
19	CLM2204	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	2			x						Không
20	PPE2022	Kỹ năng giao tiếp	2				X					Tâm lý học đại cương
21	CLM2206	Truyền thông đại chúng và dư	2			x						Không

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kì								Điều kiện tiên quyết
				1	2	3	4	5	6	7	8	
		luận xã hội										
22	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3		X							Không
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành: 59 tín chỉ										
III. 1		Học phần bắt buộc	49									
23	CLF2013	Tiếng Anh chuyên ngành	4							X		Tiếng Anh 2
24	CLM2207	Hành vi con người và môi trường xã hội	3		X							Không
25	CLM2208	Chính sách xã hội	2			X						Không
26	CLM2209	An sinh xã hội	2	X								Không
27	CLM2210	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội	2							X		Phương pháp nghiên cứu khoa học
28	CLM2211	Nhập môn công tác xã hội	3	X								Không
29	CLM2212	Công tác xã hội nhóm	3				X					Nhập môn công tác xã hội
30	CLM2213	Công tác xã hội cá nhân	3				X					Nhập môn công tác xã hội
31	CLM2214	Tham vấn	2				X					Nhập môn công tác xã hội
32	CLM2215	Tổ chức và phát triển cộng đồng	3						X			Nhập môn công tác xã hội
33	CLM2216	Công tác xã hội trong trường học	3					X				Nhập môn công tác xã hội
34	CLM2217	Quản lý ca	3						X			Nhập môn công tác xã hội

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kì								Điều kiện tiên quyết
				1	2	3	4	5	6	7	8	
35	CLM2218	Thực hành công tác xã hội cá nhân	3					X				Công tác xã hội cá nhân
36	CLM2219	Đạo đức nghề nghiệp	2			X						Nhập môn công tác xã hội
37	CLM2220	Thực hành phát triển cộng đồng	2						X			Tổ chức và phát triển cộng đồng
38	CLM2221	Thực hành Công tác xã hội nhóm	3					X				Công tác xã hội nhóm
39	CLM2222	Quản trị trong công tác xã hội	2							X		Nhập môn công tác xã hội
40	CLM2223	Văn hóa - nghệ thuật trong Công tác xã hội	4			X						Không
III. 2		Học phần tự chọn	10/20									
41	CLM2224	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể trong CTXH	2				X					Không
42	CLM2225	Công tác xã hội với trẻ em	2					X				Nhập môn công tác xã hội
43	CLM2226	Công tác xã hội với người cao tuổi	2						X			Nhập môn công tác xã hội
44	CLM2227	Công tác xã hội với nhóm người dễ bị tổn thương	2				x					Nhập môn công tác xã hội
45	CLM2228	Công tác xã hội với các tổ chức văn hóa nghệ thuật	2		x							Nhập môn công tác xã hội
46	CLM2229	Công tác xã hội trong các khu công nghiệp	2					x				Nhập môn công tác xã hội
47	CLM2230	CTXH với dân tộc thiểu số	2						x			Nhập môn công tác xã hội

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kì								Điều kiện tiên quyết
				1	2	3	4	5	6	7	8	
48	CLM2231	Công tác xã hội với người nghèo	2							x		Nhập môn công tác xã hội
49	CLM2232	Công tác xã hội trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm	2							X		Nhập môn công tác xã hội
50	CLM2233	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2							X		Nhập môn công tác xã hội
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành: 12 tín chỉ										
IV.1		Học phần bắt buộc	6									
51	CLM2234	Công tác xã hội với người khuyết tật	3						X			Nhập môn công tác xã hội
52	CLM2235	Tổ chức và phát triển dự án văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội	3					X				Không
IV.2		Học phần tự chọn	6/10									
53	CLM2236	Công tác xã hội y tế - bệnh viện	2							X		Nhập môn công tác xã hội
54	CLM2237	Công tác xã hội với tôn giáo	2			x						Nhập môn công tác xã hội
55	CLM2238	Quản lý Stress với nhân viên xã hội	2						x			Nhập môn công tác xã hội
56	CLM2239	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật trong hoạt động Công tác xã hội	2				X					Không
57	CLM2240	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2						X			Nhập môn công tác xã hội

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kì								Điều kiện tiên quyết
				1	2	3	4	5	6	7	8	
V		Khối kiến thức thực tập, thực tế: 6 tín chỉ										
58	CLM2241	Thực tập công tác xã hội 1	2			X						Nhập môn công tác xã hội
59	CLM2242	Thực tập công tác xã hội 2	4								X	Thực tập công tác xã hội 1
VI		Khối kiến thức cuối khóa: 10 tín chỉ										
60	CLM2243	Khóa luận	10								X	Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo
		Học phần thay thế khóa luận										
61	CLM2244	Ứng dụng văn hóa – nghệ thuật trong công tác xã hội	5								X	Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo
62	CLM3345	Thực hành công tác xã hội	5								X	
Tổng tín chỉ				16	18	20	17	17	16	14	14	

Căn cứ vào tình hình cụ thể, người quản lý đào tạo có thể điều chỉnh kế hoạch đào tạo từng học kỳ một cách hợp lý theo đúng Quy chế.

4.2. Về các học phần tiên quyết

Trong khi tổ hợp kế hoạch đào tạo của ngành Công tác xã hội với kế hoạch chung của toàn trường, cần lưu ý các học phần tiên quyết (đã ghi trong khung chương trình) để việc đăng ký học phần của sinh viên cũng như tổ chức đào tạo được thuận lợi, đúng tiến độ.

4.3. Về các học phần tự chọn

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công tác xã hội được thiết kế gồm các học phần bắt buộc và tự chọn. Căn

cứ vào nguyện vọng của sinh viên và khả năng, điều kiện cụ thể của đơn vị, Chủ nhiệm Khoa sẽ định hướng sinh viên trong việc lựa chọn các học phần thuộc nhóm các học phần tự chọn. Việc định hướng này được thực hiện vào đầu năm học. Người quản lý đào tạo cần chú ý điều chỉnh số lượng sinh viên đăng ký lựa chọn mỗi học phần để tránh tổ chức những môn lựa chọn có quá ít người học.

4.4. Chỉ dẫn dành cho cán bộ quản lý đào tạo/cố vấn học tập

Việc lựa chọn, bố trí các học phần cho từng học kỳ được thực hiện dựa trên các nguyên tắc:

- Tổng số tín chỉ trong một học kỳ không vượt quá mức quy định trong Quy chế đào tạo hiện hành.
- Đảm bảo yêu cầu về học phần tiên quyết như đã xác định trong Khung chương trình đào tạo.
- Phù hợp với điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất.
- Phù hợp với kế hoạch đào tạo chung của toàn trường.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy tín chỉ của sinh viên.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo

- Các chương trình đào tạo tham khảo

1. Chương trình đào tạo Ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Lao động - Xã hội

(<http://ulsa.edu.vn/NewsDetail.aspx?ID=2735>)

2. Chương trình đào tạo Ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

(<https://ussh.vnu.edu.vn/vi/dao-tao/nganh-cong-tac-xa-hoi/khung-chuong-trinh-16381.html>)

3. Chương trình đào tạo Ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

(<http://xhh.ou.edu.vn/dao-tao/ctdt/ctdt-ctxh/>)

4. Chương trình đào tạo Ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

(<https://tuyensinh.hnue.edu.vn/Tuy%E1%BB%83n-sinh-2021/p/khung-chuong-trinh-dao-tao-cong-tac-xa-hoi---k69-358>)

5. Chương trình đào tạo Ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Công đoàn
(<http://dhcd.edu.vn/b/Tin-Khac/Chuong-trinh-dao-tao-nganh-Cong-tac-xa-hoi.html>)

6. Chương trình đào tạo Ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Nam Carolina, Hoa Kỳ
(https://sc.edu/study/colleges_schools/socialwork/study/bachelor_of_social_work/)

7. Chương trình đào tạo Ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Silliman, Philipines
(<https://su.edu.ph/academic-offering/bachelor-of-science-in-social-work/>)

8. Chương trình đào tạo Ngành Công tác xã hội của Trường Đại học Kansas, Hoa Kỳ
(<https://socwel.ku.edu/bsw-curriculum>)

- Tài liệu tham khảo

1. Đề án 32 của Chính phủ về phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2010 đến 2020
2. Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021- 2030 của Thủ tướng Chính phủ

PHẦN IX: GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I	M1	Khối kiến thức chung: 27 tín chỉ						
1	POL2009	Triết học Mác - Lênin	3	1. Phạm Ngọc Anh 2. Đinh Văn Hoàng		1.ThS, 2011 2.ThS, 2012	1. Triết học 2. CNXHKKH	
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mac - Lenin	2	1. Nguyễn Thị Huyền 2. Trịnh Anh Tuấn		1. ThS, 2011 2. TS, 2022	1. KTCT 2. Kinh tế	
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1. Phạm Ngọc Anh 2. Đinh Văn Hoàng		1. ThS, 2011 2. ThS, 2012	1. Triết học 2. CNXHKKH	
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Phạm Ngọc Anh 2. Mai Thanh Hồng		1. ThS, 2012 2. ThS, 2012	1. CNXHKKH 2. Lịch sử	
5	POL2013	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	1. Phạm Ngọc Anh 2. Mai Thanh Hồng		1. ThS, 2012 2. ThS, 2012	1. Lịch sử 2. CNXHKKH	
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	1. Lê Mạnh Hùng 2. Bùi Ngọc Hưng 3. Vũ Việt Hoàng 4. Dương Thanh Long		1. ThS, 2014 2.ThS, 2015 3.ThS, 2021 4. ThS, 2017	1. Quản trị kinh doanh 2. Quản lý Giáo dục 3. CNTT 4. Khoa học máy tính	
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh		1. ThS, 2015 2. ThS, 2011 3. TS, 2017 4. TS, 2017	1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh 2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh.	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
				Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tổ Loan 9. Phạm Thị Lý		5. ThS, 2016 6. ThS, 2007 7. ThS, 2014 8. TS, 2021 9. ThS, 2016	3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. 4. Quản lý giáo dục. 5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục 9. Ngôn ngữ Anh	
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tổ Loan 9. Phạm Thị Lý		1. ThS, 2015 2. ThS, 2011 3. TS, 2017 4. TS, 2017 5. ThS, 2016 6. ThS-2007 7. ThS-2014 8. TS-2021 9. ThS-2016	1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh 2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. 4. Quản lý giáo dục. 5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục 9. Ngôn ngữ Anh	
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	1. Phạm Minh Tuấn 2. Bùi Thị Ánh Tuyết		1.ThS, 2014 2.ThS, 2017	1. Quản lý giáo dục 2. Giáo dục học	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
				3. Bùi Thị Huyền 4. Nguyễn Minh Trâm 5. Lê Việt Hùng 6. Phạm Thị Huyền Trang		3.ThS, 2013 4.ThS, 2015 5.ThS, 2021 6.ThS, 2018	3. GDTC 4. GDTC 5. GDTC 6. Giáo dục học	
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3	1. Phạm Minh Tuấn 2. Bùi Thị Ánh Tuyết 3. Bùi Thị Huyền 4. Nguyễn Minh Trâm 5. Lê Việt Hùng 6. Phạm Thị Huyền Trang		1.ThS, 2014 2.ThS, 2017 3.ThS, 2013 4.ThS, 2015 5.ThS, 2018 6.ThS, 2018	1. Quản lý giáo dục 2. Giáo dục học 3. GDTC 4. GDTC 5. GDTC 6. Giáo dục học	
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2	1. Nguyễn Thị Thanh Thủy 2. Lê Thị Nguyên		1. ThS, 2008 2. ThS, 2016	1. Luật học 2. Luật học	
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng		Theo chương trình của Trung tâm GDQP				
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành: 18 tín chỉ						
II.1		Các học phần bắt buộc: 13 tín chỉ						
13	CLM2200	Xã hội học đại cương	2	1. Lương Thị Đào 2. Nguyễn Thị Thanh Loan		1.ThS, 2015 2.TS, 2010	1. Công tác xã hội 2. Văn hóa học	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
14	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	1. Hoàng Công Dụng 2. Nguyễn Thị Thanh Loan 3. Tráng Thị Thúy 4. Vũ Thị Thái Hoa 5. Nguyễn Đức Hoàng		1. TS, 2019 2. TS, 2020 3. ThS, 2010 4. ThS, 2013 5. TS, 2019	1. Quản lý văn hóa 2. Văn hóa học 3. Văn hóa học 4. Văn hóa học 5. Văn hóa học	
15	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2	1. Lương Thị Thanh Hải 2. Nguyễn Mai Hương 3. Đỗ Ánh Tuyết 4. Nguyễn Quỳnh Trang		1. TS, 2017 2. TS, 2016 3. ThS, 2008 4. ThS, 2009	1. Tâm lý học 2. Tâm lý học 3. Tâm lý học 4. Tâm lý giáo dục	
16	CLM2246	Tâm lý học phát triển và xã hội	2	1. Lương Thị Thanh Hải 2. Nguyễn Mai Hương 3. Đỗ Ánh Tuyết 4. Nguyễn Hương Giang		1. TS, 2017 2. TS, 2016 3. ThS, 2008 4. ThS, 2008	1. Tâm lý học 2. Tâm lý học 3. Tâm lý học 4. Tâm lý học	
17	CLM2203	Giới và Phát triển	2	1. Lương Thị Đào 2. Nguyễn Thị Phương Thanh		1. ThS, 2015 2. ThS, 2014	1. Công tác xã hội 2. Công tác xã hội	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
18	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1. Lương Thị Thanh Hải 2. Nguyễn Mai Hương 3. Đỗ Ánh Tuyết 4. Nguyễn Quỳnh Trang		1.TS, 2017 2.TS, 2016 3.ThS, 2008 4.ThS, 2009	1. Tâm lý học 2. Tâm lý học 3. Tâm lý học 4. Tâm lý giáo dục	
II.2		Các môn tự chọn: 5/9 tín chỉ						
19	CLM2204	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam	2	1. Nguyễn Thị Thanh Loan 2. Tráng Thị Thúy 3. Hoàng Công Dụng		1.TS, 2020 2.ThS, 2010 3.TS,2019	1. VHH 2. VHH 3. Quản lý văn hóa	
20	PPE2022	Kỹ năng giao tiếp	2	1. Lương Thị Thanh Hải 2. Nguyễn Mai Hương 3. Đỗ Ánh Tuyết 4. Nguyễn Hương Giang		1.TS, 2017 2.TS, 2016 3.ThS, 2008 4.ThS, 2008	1. Tâm lý học 2. Tâm lý học 3. Tâm lý học 4. Tâm lý học	
21	CLM2206	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	2	1. Nguyễn Thị Thanh Mai 2. Nguyễn Thị Phương Thanh		1.ThS. 2010 2.ThS, 2014	1. VHH 2. Công tác xã hội	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
22	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	1. Lương Thị Thanh Hải 2. Nguyễn Mai Hương 3. Đỗ Ánh Tuyết 4. Nguyễn Quỳnh Trang		1.TS, 2017 2.TS, 2016 3.ThS, 2008 4.ThS, 2009	1. Tâm lý học 2. Tâm lý học 3. Tâm lý học 4. Tâm lý giáo dục	
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành: 59 tín chỉ						
III.1		Các học phần bắt buộc: 49 tín chỉ						
23	CFL2013	Tiếng Anh chuyên ngành	4	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tổ Loan 9. Phạm Thị Lý		1. ThS-2015 2. ThS -2011 3. TS-2017 4. TS -2017 5. ThS -2016 6. ThS -2007 7. ThS-2014 8. TS-2021 9. ThS -2016	1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh 2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. 4. Quản lý giáo dục. 5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
24	CLM2207	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	1. Nguyễn Hương Giang 2. Nguyễn Thị Phương Thanh		1.ThS, 2008 2.ThS, 2014	1. Tâm lý học 2. Công tác xã hội	
25	CLM2208	Chính sách xã hội	2	1. Hoàng Công Dụng 2. Nguyễn Thị Phương Thanh 3. Lê Quang Vinh	PGS.2017	1.TS, 2019 2.ThS, 2014 3. TS.2013	1. Quản lý văn hóa 2. Công tác xã hội 3. Triết học	
26	CLM2209	An sinh xã hội	2	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào 3. Bùi Ngọc Hà		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015 3.ThS, 2015	1. Công tác xã hội 2. Công tác xã hội 3. Công tác xã hội	
27	CLM2210	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội	2	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Hà Thị Thu		1.ThS, 2014 2. TS.2012	1. Công tác xã hội 2. Tâm lý học	
28	CLM2211	Nhập môn công tác xã hội	3	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015	1. Công tác xã hội 2. Công tác xã hội	
29	CLM2212	Công tác xã hội nhóm	3	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015	1. Công tác xã hội 2. Công tác xã hội	
30	CLM2213	Công tác xã hội cá nhân	3	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015	1. Công tác xã hội 2. Công tác xã hội	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
31	CLM2214	Tham vấn	2	1. Nguyễn Hương Giang 2. Nguyễn Thị Phương Thanh		1.ThS, 2008 2.ThS, 2014	1. Tâm lý học 2. Quản lý giáo dục	
32	CLM2215	Tổ chức và phát triển cộng đồng	3	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015	1. Quản lý giáo dục 2. Công tác xã hội	
33	CLM2216	Công tác xã hội trong trường học	3	1. Nguyễn Hương Giang 2. Nguyễn Thị Phương Thanh		1.ThS, 2008 2.ThS, 2014	1. Tâm lý học 2. Công tác xã hội	
34	CLM2217	Quản lý ca	3	1. Nguyễn Hương Giang 2. Nguyễn Thị Phương Thanh		1.ThS, 2008 2.ThS, 2014	1. Tâm lý học 2. Công tác xã hội	
35	CLM2218	Thực hành công tác xã hội cá nhân	3	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào 3. Nguyễn Hương Giang		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015 3.ThS, 2008	1. Công tác xã hội 2. Công tác xã hội 3. Tâm lý học	
36	CLM2219	Đạo đức nghề nghiệp	2	1. Lương Thị Đào 2. Nguyễn Hương Giang		1.ThS, 2015 2.ThS, 2008	1. Công tác xã hội 2. Tâm lý học	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
37	CLM2220	Thực hành phát triển cộng đồng	2	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015	1. Công tác xã hội 2. Công tác xã hội	
38	CLM2221	Thực hành công tác xã hội nhóm	3	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015	1. Công tác xã hội 2. Công tác xã hội	
39	CLM2222	Quản trị công tác xã hội	2	1. Nguyễn Hương Giang 2. Nguyễn Thị Phương Thanh		1.ThS, 2008 2.ThS, 2014	1. Tâm lý học 2. Công tác xã hội	
40	CLM2223	Văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội	4	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Hoàng Công Dụng		1.ThS, 2014 2.TS, 2019	1. Công tác xã hội 2. Quản lý văn hóa	
III.2		Các học phần tự chọn: 10/20 tín chỉ						
41	CLM2224	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể trong công tác xã hội	2	1. Nguyễn Đức Hoàng 2. Nguyễn Thị Thanh Mai		1.TS- 2019 2.ThS- 2010	1. Văn hóa học 2. Văn hóa học	
42	CLM2225	Công tác xã hội với trẻ em	2	1. Nguyễn Quốc Vượng 2. Lương Thị Đào		1.ThS, 2022 2.ThS, 2015	1. Giáo dục đặc biệt 2. Công tác xã hội	
43	CLM2226	Công tác xã hội với người cao tuổi	2	1. Nguyễn Hương Giang		1.ThS, 2008 2.ThS, 2014	1. Tâm lý học 2. Công tác xã hội	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
				2. Nguyễn Thị Phương Thanh				
44	CLM2227	Công tác xã hội với nhóm người dễ bị tổn thương	2	1. Nguyễn Hương Giang 2. Nguyễn Thị Phương Thanh		1.ThS, 2008 2.ThS, 2014	1. Tâm lý học 2. Công tác xã hội	
45	CLM2228	Công tác xã hội trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	2	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Nguyễn Hương Giang 3. Hoàng Công Dụng		1.ThS, 2014 2.ThS, 2008 3. TS.2019	1. Công tác xã hội 2. Tâm lý học 3. Quản lý văn hóa	
46	CLM2229	Công tác xã hội trong các khu công nghiệp	2	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015	1. Quản lý giáo dục 2. Công tác xã hội	
47	CLM2230	Công tác xã hội các dân tộc thiểu số	2	1. Nguyễn Thị Thanh Loan 2. Hoàng Công Dụng		1.TS, 2020 2.TS,2019	1. Văn hóa học 2. Quản lý văn hóa	
48	CLM2231	Công tác xã hội với người nghèo	2	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Nguyễn Hương Giang		ThS, 2014 ThS, 2008	1. Công tác xã hội 2. Tâm lý học	
49	CLM2232	Công tác xã hội trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm	2	1. Nguyễn Thị Thanh Thủy 2. Lê Thị Nguyên		1.ThS, 2008 2.ThS, 2016 3. TS, 2020	1.Luật học 2.Luật học 3. Tâm lý học	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
				3. Phạm Thị Thục Oanh				
50	CLM2233	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	1. Đỗ Thị Minh Nhâm 2. Nguyễn Hương Giang		1.ThS, 2014 2.ThS, 2008	1. Công tác xã hội 2. Tâm lý học	
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành: 12 tín chỉ						
IV.1		Các học phần bắt buộc: 6 tín chỉ						
51	CLM2234	Công tác xã hội với người khuyết tật	3	1. Lương Thị Đào 2. Nguyễn Hương Giang		1.ThS, 2015 2.ThS, 2008	1.Công tác xã hội 2.Tâm lý học	
52	CLM2235	Tổ chức và quản lý dự án văn hóa - nghệ thuật trong Công tác xã hội	3	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Hoàng Công Dụng		1.ThS, 2014 2.TS, 2019	1. Công tác xã hội 2.Quản lý văn hóa	
IV.2		Các học phần tự chọn: 6/10 tín chỉ						
53	CLM2236	Công tác xã hội y tế - bệnh viện	2	1. Nguyễn Hương Giang 2. Đỗ Thị Minh Nhâm		1.ThS, 2014 2.ThS, 2008	1.Tâm lý học 2. Công tác xã hội	
54	CLM2237	Công tác xã hội tôn giáo	2	1. Nguyễn Thị Thanh Loan 2. Hoàng Công Dụng		1.TS, 2020 2.TS, 2019	1.Văn hóa học 2. Quản lý văn hóa	
55	CLM2238	Quản lý Stress với nhân viên xã hội	2	1. Nguyễn Hương Giang		1.ThS, 2008 2.ThS, 2020	1.Tâm lý học 2. Tham vấn học	

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
				2. Lưu Văn Tuấn			đường	
56	CLM2239	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật trong hoạt động Công tác xã hội	2	1. Nguyễn Đức Hoàng 2. Lý Minh Huệ 3. Nguyễn Thị Thanh Mai 4. Phạm Ngọc Thùy		1.TS, 2019 2.ThS, 2019 3. ThS.2010 4. ThS.2015	1.Văn hóa học 2.Văn hóa học 3. Văn hóa học 4. Sân khấu	
57	CLM2240	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2	1. Nguyễn Hương Giang 2. Nguyễn Quốc Vượng		1.ThS, 2008 2.ThS, 2022	1.Tâm lý học 2. Giáo dục đặc biệt	
	M5	Khối kiến thức thực tế, thực tập: 6 tín chỉ						
58	CLM2241	Thực tập Công tác xã hội 1	2	1. Lương Thị Đào 2. Nguyễn Hương Giang 3. Nguyễn Thị Phương Thanh		1.ThS, 2015 2.ThS, 2008 3.ThS, 2014	1.Công tác xã hội 2.Tâm lý học 3.Công tác xã hội	
59	CLM2242	Thực tập Công tác xã hội 2	4	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào 3. Nguyễn Hương Giang		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015 3.ThS, 2008	1. Công tác xã hội 2.Công tác xã hội 3.Tâm lý học	
	M6	Khối kiến thức cuối khóa: 10 tín chỉ						

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	Ghi chú
60	CLM2243	Khóa luận	10	GVHD có trình độ từ ThS trở lên, hướng dẫn không quá 15SV/1 GV				
		<i>Học phần thay thế khóa luận</i>						
61	CLM2244	Ứng dụng văn hóa nghệ thuật trong công tác xã hội	5	1. Hoàng Công Dụng 2. Nguyễn Thị Phương Thanh		1.TS, 2019 2.ThS, 2014	1.Quản lý văn hóa 2. Công tác xã hội	
62	CLM3345	Thực hành công tác xã hội	5	1. Nguyễn Thị Phương Thanh 2. Lương Thị Đào 3. Nguyễn Hương Giang		1.ThS, 2014 2.ThS, 2015 3.ThS, 2008	1. Công tác xã hội 2. Công tác xã hội 3. Tâm lý học	

PHẦN X. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phòng lý thuyết - Máy chiếu - Điều hòa - Hệ thống âm thanh giảng dạy - Bàn ghế học tập theo quy định	10	150m ² /1 phòng	POL2009 POL2010 POL2011 POL2003 POL2013 CLF2002 PPE2008 PPE2010 CLM2200 PPE2007 CLM2246 CLM2203 CLM2204 PPE2022 CLM2206 PPE2030 CLM2207 CLM2208 CLM2209 CLM2210 CLM2211 CLM2212 CLM2213	Triết học Mác - Lênin Kinh tế chính trị Mác - Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học Tư tưởng Hồ Chí Minh Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Cơ sở văn hóa Việt Nam Pháp luật đại cương Phương pháp nghiên cứu khoa học Xã hội học đại cương Tâm lý học đại cương Tâm lý phát triển và xã hội Giới và phát triển Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam Kỹ năng giao tiếp Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội Kỹ năng khởi nghiệp Hành vi con người và môi trường xã hội Chính sách xã hội An sinh xã hội Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội Nhập môn công tác xã hội Công tác xã hội nhóm Công tác xã hội cá nhân	

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
				CLM2215 CLM2216 CLM2217 CLM2219 CLM2222 CLM2223 CLM2224 CLM2225 CLM2226 CLM2227 CLM2228 CLM2229 CLM2230 CLM2231 CLM2232 CLM2233 CLM2234 CLM2235 CLM2236 CLM2237 CLM2238 CLM2240	Tổ chức và phát triển cộng đồng Công tác xã hội trong trường học Quản lý ca Đạo đức nghề nghiệp Quản trị công tác xã hội Văn hóa - nghệ thuật trong Công tác xã hội Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể trong công tác xã hội Công tác xã hội với trẻ em Công tác xã hội với người cao tuổi Công tác xã hội với nhóm người dễ bị tổn thương Công tác xã hội với các tổ chức văn hóa nghệ thuật Công tác xã hội trong các khu công nghiệp CTXH với dân tộc thiểu số Công tác xã hội với người nghèo Công tác xã hội trong lĩnh vực pháp luật và tội phạm Chăm sóc sức khỏe tâm thần Công tác xã hội với người khuyết tật Tổ chức và phát triển dự án văn hóa - nghệ thuật trong công tác xã hội Học phần tự chọn Công tác xã hội y tế - bệnh viện	

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
					Công tác xã hội với tôn giáo Quản lý Stress với nhân viên xã hội Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	
2	Phòng học tin học - Máy chiếu - Điều hòa - Hệ thống âm thanh giảng dạy - Máy tính theo định mức phòng - Bàn ghế học tập theo quy định	03	90m ² /phòng	INF2001	Tin học cơ bản	
3	Phòng Thực hành ngoại ngữ tiếng Anh - Máy chiếu - Điều hòa - Hệ thống âm thanh giảng dạy - Bàn ghế học tập theo quy định	01	90m ² /phòng	CLM2001 CLF2001 CLF2013	Tiếng Anh 1 Tiếng Anh 2 Tiếng Anh chuyên ngành	
4	Sân vận động	01	300m ² /1 điểm	PPE2010 PPE2011	Giáo dục thể chất 1 Giáo dục thể chất 2	
5	Phòng thực hành Công tác xã hội	03	40m ² /phòng	CLM2218 CLM2220 CLM2221	Thực hành công tác xã hội cá nhân Thực hành phát triển cộng đồng Thực hành công tác xã hội nhóm	

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
				CLM2214	Tham vấn	
6	Phòng hòa nhạc 1. Hệ thống âm thanh, màn hình chiếu theo quy định 2. Bàn ghế học tập theo quy định	01	300m ² /1 phòng	CLM2239	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật trong hoạt động công tác xã hội Tổ chức thi, hoạt động các học phần về thực hành nghệ thuật của ngành Công tác xã hội	
7	Thư viện 1. Sách, bài giảng, giáo trình theo danh sách của thư viện 2. Điều hòa 3. Máy chiếu 4. Bàn ghế học tập theo quy định	01	500m ² /1 phòng		Sinh viên học tập, nghiên cứu trong các giờ tự học	
8	Phòng bảo vệ luận văn	01	52.60	CLM2243	Khóa luận tốt nghiệp	

2. Học liệu

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	M1	Khối kiến thức chung					
1	POL2009	Triết học Mác - Lênin	3	1. Học liệu bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị Quốc gia 2013	
				1. Học liệu bắt buộc			
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị Quốc gia 2014	
				1. Học liệu bắt buộc			
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình phương pháp dạy - học Chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng	Nguyễn Văn Cư (chủ biên)	Nxb Đại học sư phạm, 2007.	
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị Quốc gia 2003	
				Hệ thống câu hỏi ôn tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	Dương Văn Khoa	Nxb Đại học Sư phạm 2022	
5	POL2013	Lịch sử	2	1. Học liệu bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Đảng Cộng sản Việt Nam		Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021	
				2. Học liệu tham khảo			
				Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Tập 1,2,3)	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị Quốc gia 2007	
				Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị Quốc gia 2014	
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình tin học cơ bản (lưu hành nội bộ)		Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2019	
				2. Học liệu tham khảo			
				Tin học ứng dụng căn bản	Hồ Tuấn Hùng	NXB Đại học Sư phạm, 2013	
				Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office 2013 tại website của hãng			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Microsoft theo địa chỉ http://www.microsoft.com			
7	CLF2001	Tiếng Anh 1	4	1. Học liệu bắt buộc			
				New Headway (Elementary, The Third edition).	Soars, Liz and Soars, John. Sylvia Wheeldon; (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	Nxb Văn hóa Thông tin. (2013).	
				2. Học liệu tham khảo			
				Lifelines Elementary.	Hutchinson, T (Ngọc Hạnh, Quỳnh Trâm giới thiệu)	NXB Văn hóa thông tin, 2013	
				English Grammar in Use.	Murphy, R.	Nxb Hồng Đức, 2011	
				New English File (Elementary).	Oxenden, C. & Latham-Koenig, C. & Seligson, P., (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	Nxb Văn hóa Thông tin, 2013	
				Empower Elementary	Doff, A. Thaine.C. Puchta.H. Strank.J & Lewis-Jones.P	Nxb Cambridge. Anh Quốc, 2022	
8	CLF2002	Tiếng Anh 2	3	1. Học liệu bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				New headway Pre-intermediate	Jonn and Liz Soars	Nhà xuất bản văn hóa thông tin (2013)	
				2. Học liệu tham khảo			
				English Grammar in Use	Murphy, R. (Ngọc Hạnh - Quỳnh Trâm giới thiệu)	Nhà xuất bản Hồng Đức, 2011	
				English File - Pre-Intermediate (third edition)	Oxenden, C. & Latham-Koenig, C. & Seligson, P., (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	Nhà xuất bản văn hóa thông tin, 2011	
				Inside Out - Pre - Intermediate	Sue Kay, Vaughan Jones and Phillip Kerr	UK: Macmillan Education, 2002	
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1		1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Thể dục tập 1	Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận.	Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2012	
				Giáo trình Thể dục tập 2	Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận.	Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2013	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Giáo trình Giáo trình Thể dục Aerobic	Đinh Khánh Thu Truong Anh Tuấn Nguyễn Kim Lan	NXB TĐTT Hà Nội (2014)	
				Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Văn Thời.	- Nxb TĐTT, Hà Nội (2014).	
				Giáo trình Thể dục Aerobics 1 (Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm TĐTT)	Nguyễn Văn Thời	- Nxb TĐTT, Hà Nội (2014)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Các bài tập thể lực trong Điền kinh.	Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Đại Dương, Đàm Trung Kiên	Nxb Thể dục thể thao Hà Nội (2012).	
10	PPE2010	Giáo dục thể chất 2		Nội dung Cầu lông			
				1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Cầu lông.	Nguyễn Văn Đức (Chủ biên), Trần Văn Vinh, Trương Văn Minh, Nguyễn Văn Thạch, Nguyễn Thị Huyền	NXB Thể dục thể thao Hà Nội, 2015	
				Luật thi đấu Cầu lông	Tổng cục thể dục thể thao.	Nxb Thể dục thể thao, 2014	
				2. Học liệu tham khảo			
				Cầu lông.	Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành	Nxb Thể dục thể thao, 1998	Cầu lông.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Biên soạn tài liệu giảng dạy môn Cầu lông theo hình thức đào tạo tín chỉ tại trường ĐHSPNTTW (2016 - 2017)	Đề tài KHCN cấp Trường: Phạm Minh Tuấn, Bùi Thị Ánh Tuyết, Lê Việt Hùng, Phạm Thị Huyền Trang		Biên soạn tài liệu giảng dạy môn Cầu lông theo hình thức đào tạo tín chỉ tại trường ĐHSPNTTW (2016 - 2017)
				Nội dung Khiêu vũ			
				1. Học liệu bắt buộc			
				Khiêu vũ thể thao.	Vũ Thanh Mai	Nxb Thể dục Thể thao, 2011.	Khiêu vũ thể thao.
				2. Học liệu tham khảo			
				Biện pháp đổi mới nội dung, hình thức dạy học nhằm phát huy tính sáng tạo của sinh viên trong luyện tập thể dục Aerobics trường Cao đẳng sư phạm nhạc - họa trung ương.	Đề tài NCKH Cấp Bộ của Giảng viên Trần Thị Nguyệt Đán, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW (2007)		
				Tài liệu giảng dạy môn Khiêu vũ thể thao	Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					TW, G.V Bùi Thị Huyền (2020).		
				Nội dung Võ			
				1. Học liệu bắt buộc			
				Karate căn bản	Nguyễn Ngọc Khương	Nxb Thể dục Thể thao - 2006.	
				Giáo trình Karatedo,	Trần Tuấn Hiếu	Nxb Thể dục Thể thao - 2001	
				2. Học liệu tham khảo			
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học Karate-do.	Bộ môn võ - Trường ĐHTDTT Bắc Ninh.	Nxb Thể dục thể thao, 2009	
				1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Đại học Sư phạm, 2015	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Lý luận về Nhà nước và pháp luật	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân, 2013	
				Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Bộ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam 2015.	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx		
				Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx		
				Bộ luật Tố tụng Hình sự (sửa đổi) nước CHXHCN Việt Nam năm 2021	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Luat-sua-doi-Bo-Luat-To-tung-hinh-su-2021-489113.aspx		
				Bộ luật Lao động nước CHXHCN Việt Nam năm 2019.	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx		
				Luật phòng, chống tham nhũng nước CHXHCN Việt Nam năm 2018.	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Phong-chong-tham-nhung-322049.aspx		
				Tài liệu về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường cao đẳng, đại học không chuyên về luật.	Hoàng Thế Liên	NXB Lao động, 2014	
				Văn bản về phòng, chống tham nhũng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tài liệu tập huấn Thanh	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						tra, 2018	
				Giáo trình Luật Quốc tế	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân, năm 2013	
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng		Theo chương trình của TT Giáo dục Quốc phòng			
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành					
II.1		Các học phần bắt buộc					
13	CLM2200	Xã hội học đại cương	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Xã hội học đại cương	Trương Thị Hiền	- Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020	
				Phương pháp nghiên cứu Xã hội học	Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	
				2. Học liệu tham khảo			
				Xã hội học chuyên biệt	Đặng Cảnh Khanh, Đặng Thị Lan Anh	Nxb Lao động – Xã hội, 2014	
				Giáo trình xã hội học sức khỏe	Hoàng Bá Thịnh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	
				Giáo trình Xã hội học văn	Mai Thị Kim Thanh	Nxb Đà	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				hóa		Năng, 2019	
14	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	Huỳnh Công Bá	Nxb Thuận Hóa 2012	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng (Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam (2020)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	Nxb Văn hóa Thông tin, 2000	
				Việt Nam phong tục	Phan Kế Bính	Nxb Văn hóa Thông tin, 2005	
				Bản sắc văn hóa Việt Nam	Phan Ngọc	Nxb Văn học, 2002	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Nxb Giáo dục, 2011	
				Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam	Ngô Đức Thịnh	Nxb Văn hóa dân tộc, 2022	
15	PPE2007	Tâm lý học đại cương	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang	Nxb Đại học sư phạm, 2023	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Giáo trình Tâm lí học đại cương	Nguyễn Xuân Thức (chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Thạc, Trần Quốc Thành, Hoàng Anh, Lê Thị Bùng, Vũ Kim Thanh, Nguyễn Kim Quý, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Đức Sơn	Nxb Đại học Sư phạm, 2011	
				2. Học liệu tham khảo			
				Tâm lí học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Trần Trọng Thủy	Nxb ĐH Sư phạm, 2003	
				Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học đại cương	Phan Trọng Ngọ (Chủ biên), Dương Diệu Hoa, Nguyễn Thị Mùi, Nguyễn Nhân Ái, Bùi Thu Huyền	Nxb ĐH Sư phạm, 2005.	
16	CLM2246	Tâm lý học phát triển và xã hội	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Tâm lý học xã hội	Phạm Văn Tư (Chủ biên)	Nxb Đại học Sư phạm, 2012	
				Giáo trình Tâm lí học phát triển	Dương Thị Diệu Hoa chủ biên; Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Kế Hào, Phan Trọng Ngọ, Đỗ Thị Hạnh Phúc	Nxb Đại học Sư phạm, (2022).	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Các lý thuyết phát triển tâm lý người	Phan Trọng Ngọ (chủ biên), Lê Minh Nguyệt	Nxb Đại học Sư phạm,	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						(2016)	
				Tâm lí học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang	Nxb Đại học sư phạm, 2023	
17	CLM2203	Giới và Phát triển	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Xã hội học Giới	Lê Thị Quý	Nxb Giáo Dục 2010	
				Khái niệm then chốt trong nghiên cứu Giới	Jane Pilcher, Imelda Whelehan (Dịch: Nguyễn Thị Minh)	Nxb Phụ nữ, 2022.	
				2. Học liệu tham khảo			
				Xã hội học về Bình đẳng giới – Tác giả và tác phẩm	Nhiều tác giả	Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam, 2022	
				Giáo trình Xã hội học Sức khỏe	Hoàng Bá Thịnh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	
18	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học	- Vũ Cao Đàm	Nhà xuất bản Giáo dục 2009	
				Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học	- Hoàng Mộc Lan	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2013	
				Phương pháp nghiên cứu xã hội học	- Phạm Văn Quyết (Chủ biên), Nguyễn Quý Thanh	Nhà xuất bản Đại học Quốc	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						Gia, 2016	
				2. Học liệu tham khảo			
				Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Mỹ thuật	Nguyễn Thu Tuấn	Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội, 2015	
II.2		Các môn tự chọn					
				1. Học liệu bắt buộc			
				Về tôn giáo và tôn giáo ở Việt Nam	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia (2004)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Nho giáo và phát triển ở Việt Nam	Vũ Khiêu	Nxb Khoa học xã hội, 1990	
				Lịch sử nhà Phật	Đoàn Trung Côn	Nxb Tôn giáo, 2007	
				1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp	Nguyễn Bá Minh chủ biên (2018)	Nxb Đại học Sư phạm	
				2. Học liệu tham khảo			
				Tương giao bất bạo động. Ngôn ngữ của trung thực và tâm cảm	Lưu Hồng Khanh	Nxb Hồng Đức, 2017	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Nói ra đừng sợ: Kỹ năng thuyết trình cho người mới bắt đầu	Nguyễn Ngọc Sơn	Nxb Lao động – Xã hội, 2021	
21	CLM2206	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Xã hội học về dư luận xã hội	Nguyễn Quý Thanh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Xã hội học đại cương	Trương Thị Hiền	Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2014)	
				Multicultural education and the internet: Giáo dục đa văn hóa và truyền thông	Paul C. Gorski	Mc Graw – Hill, (2005)	
22	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Làm thuê hay khởi nghiệp. Kỹ năng người khởi nghiệp,	Đỗ Mạnh Hùng (Chủ biên), Bùi Thị Ngàn (2022).	Nxb Dân trí.	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Không bao giờ là thất bại! Tất cả chỉ là thử thách	Chung Ju Yung (2019). (Lê Huy Khoa dịch).	Nhà xuất bản Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh	
				Quốc gia Khởi nghiệp	Dan Senor, Saul Singer (2017), Trí Vương dịch	Nhà xuất bản Thế giới	
				Cá nhân hóa khởi nghiệp	Tuyết Lan, Đ. T. (2023).	Nhà xuất bản Thế giới.	
				Khởi nghiệp 0 - 1: Những điều không thể bỏ qua khi khởi nghiệp	Chu Thụy Phong. (2019) - Dũng Nguyễn dịch	Nhà xuất bản Hồng Đức	
				Get Backed: Ai “chống lưng” cho bạn	Evan Baehr, Evan Loomis. (2018) - Lê Thiện Trí dịch	Nhà xuất bản Thế giới	
				Nghĩ giàu làm giàu	NAPOLEON HILL (2019) -Việt Khương, Vương Long, Khánh Duy, Ngọc Hân dịch	Nhà xuất bản Thế giới	
				2. Học liệu tham khảo			
				Quản trị tinh gọn tại Việt Nam	Nguyễn Đăng Minh (2015)	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.	
				Phụng sự để dẫn đầu. Tư	James Strock (2017) - Thu	Nhà xuất bản	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				duy lãnh đạo thế kỷ 21	Huyền dịch	Lao động	
				6 chiếc mũ tư duy	Edward De BoNo. (2022) - Nguyễn Hữu Dũng dịch	Nhà xuất bản Thế giới	
				Business Model Generation (Tạo lập môi trường kinh doanh)	Alexander Osterwalder & Yves Pigneur. (2023). 470 Cốc Ván, Doanh Nhân Từ 45 Quốc Gia - Ed. Lưu Thị Thanh Huyền dịch	Nhà xuất bản Công thương.	
				Tư duy phản biện để không bị thao túng tâm lý	Tom Chatfield (2023), Khánh Trang dịch	Nhà xuất bản Trẻ	
				Tâm thái - Bí quyết làm chủ cuộc sống từ trong tâm	Đỗ Văn Dũng (2017)	Nhà xuất bản Thế giới.	
				50 quy tắc vàng làm chủ cảm xúc	Jean - Yves Arrivé (2019) - Hoàng Thanh Thủy dịch	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.	
				Kỹ năng lập kế hoạch hiệu quả,	Shibamoto Hidenori (2022) - Yoko dịch	Nhà xuất bản thế giới.	
				GOALS! (Chinh phục mục tiêu)	BRIAN TRACY - Nguyễn Trung An, MBA dịch	Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2022.	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				http://novaspro.vn/ và http://dean1665.vn/			
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành					
III.1. Các học phần bắt buộc							
23	CLF2013	Tiếng Anh chuyên ngành công tác xã hội	4	1. Học liệu bắt buộc			
				English for International Social Work.	Geraldine Ludbrook	Libreria Editrice Cafoscarina, 2011	
				2. Học liệu tham khảo			
				English Grammar in Use.	Murphy, R. (Ngọc Hạnh, Quỳnh Trâm giới thiệu)	Nhà xuất bản Hồng Đức, 2011	
24	CLM2207	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội	Nguyễn Hồi Loan, Trần Thu Hương	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn An sinh xã hội	Nguyễn Hải Hữu	Nxb Đại học Lao động xã hội, 2012	
				Giáo trình phát triển cộng đồng	Nguyễn Trung Hải	Nxb Dân trí, 2016	
				1. Học liệu bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Chính sách xã hội		Giáo trình Chính sách Xã hội	Nguyễn Tuấn Anh chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	- Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Giáo trình Nhập môn An sinh xã hội	Nguyễn Hải Hữu (chủ biên)	Nxb Lao động xã hội, 2012.	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, 2014	
				Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số	Văn Lập	Nxb Hồng Đức, 2018	
26	CLM2209	An sinh xã hội	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Nhập môn An sinh xã hội	Nguyễn Hải Hữu (chủ biên)	Nxb Lao động xã hội, 2012.	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2014)	
				Giáo trình Chính sách Xã hội	Nguyễn Tuấn Anh chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
27	CLM2210	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Phương pháp nghiên cứu Xã hội học	Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Nxb Giáo dục Việt Nam, (2009)	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	- Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Research for effective social work practice: Nghiên cứu, thực hành có hiệu quả về công tác xã hội	KRysik Judy K; Finn Jerry	Mc Graw – Hill (2007)	
28	CLM2211	Nhập môn công tác xã hội	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2014)	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan, Nguyễn Thị Thanh Hương, Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, 2008	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Giáo trình Mô hình Công tác xã hội cá nhân	Mai Thị Kim Thanh	Nxb Dân trí, 2019	
				Giáo trình phát triển cộng đồng	Nguyễn Trung Hải	Nxb Dân Trí, (2016)	
29	CLM2212	Công tác xã hội nhóm	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan, Nguyễn Thị Thanh Hương, Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, 2008	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Mô hình Công tác xã hội cá nhân	Mai Thị Kim Thanh	Nxb Dân trí, 2019	
				Giáo trình tham vấn tâm lý	Trần Thị Minh Đức	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, 2014	
30	CLM2213	Công tác xã hội cá nhân	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Mô hình Công tác xã hội cá nhân	Mai Thị Kim Thanh	Nxb Dân trí, 2019	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
31	CLM2214	Tham vấn		2. Học liệu tham khảo			
				Công tác xã hội gia đình	Huỳnh Minh Hiền	Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2017	
				Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình	Trần Đình Tuấn	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, 2014	
			2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình tham vấn tâm lý	Trần Thị Minh Đức	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	
				Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình	Trần Đình Tuấn	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018	
				2. Học liệu tham khảo			
				Công tác xã hội gia đình	Huỳnh Minh Hiền	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2017	
				Giáo trình công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan, Nguyễn Thị Thanh Hương, Bùi Thị	Nxb Lao động xã hội, 2008	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Xuân Mai		
32	CLM2215	Tổ chức và phát triển cộng đồng	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình phát triển cộng đồng	Nguyễn Trung Hải	Nxb Dân Trí, (2016)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2014)	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Lối sống các nhóm dân cư	Mai Thị Kim Thanh	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011	
33	CLM2216	Công tác xã hội trong trường học	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Đại cương Công tác xã hội trong trường học	Nguyễn Hiệp Thương (chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2020	
				Tham vấn trường học	Phạm Văn Tư, Hoàng Văn Phước, Nguyễn Thị Mai Hương	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2020	
				2. Học liệu tham khảo			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Công tác xã hội với học sinh sử dụng chất gây nghiện	Nguyễn Lê Hoài Anh, Nguyễn Duy Nhiên, Tiêu Thị Minh Hoàng, Tô Phương Oanh	Nxb Giáo dục Việt Nam. (2020)	
				Công tác xã hội với học sinh nghiện internet	Nguyễn Hiệp Thương, Trịnh Phương Thảo, Lê Minh Công, Nguyễn Duy Cường, Nguyễn Văn Hiếu	Nxb Đại học Sư phạm, (2020)	
34	CLM2217	Quản lý ca	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Mô hình công tác xã hội cá nhân	Mai Thị Kim Thanh	Nxb Dân trí (2019)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2014)	
35	CLM2218	Thực hành công tác xã hội cá nhân	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Mô hình Công tác xã hội cá nhân	Mai Thị Kim Thanh	Nxb Dân trí, 2019	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội,	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						(2014)	
				Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình	Trần Đình Tuấn	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2018)	
36	CLM2219	Đạo đức nghề nghiệp	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb ĐH Lao động xã hội, (2014)	
				Mô hình công tác xã hội cá nhân	Mai Thị Kim Thanh	Nxb Dân trí (2019)	
37	CLM2220	Thực hành phát triển cộng đồng	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình phát triển cộng đồng	Nguyễn Trung Hải	Nxb Dân Trí, (2016)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2014)	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
38	CLM2221	Thực hành công tác xã hội nhóm	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan, Nguyễn Thị Thanh Hương, Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2008)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2014)	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
39	CLM2222	Quản trị trong công tác xã hội	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Quản trị ngành công tác xã hội	Trịnh Thị Chinh (chủ biên), Michale Ong (biên soạn)	Nxb Lao động xã hội, (2012)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2014)	
				Quản trị Công tác xã hội	Lê Chí An	Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh (2019)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
40	CLM2223	Văn hóa - nghệ thuật trong Công tác xã hội	4	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Nxb Giáo dục Hà Nội (2011)	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2014)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Vai trò trị liệu tranh vẽ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Nguyễn Thị Phương Thanh	Tạp trí Gia đình trẻ em, 2020.	
III.2	Các học phần tự chọn						
41	CLM2224	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức hoạt động tập thể trong	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Kỹ năng thuyết trình	Dương Thị Liễu	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân (2014)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp	Nguyễn Bá Minh	Nxb Đại học Sư phạm, 2018.	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		công tác xã hội		Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
42	CLM2225	Công tác xã hội với trẻ em	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Công tác xã hội với trẻ em	Nguyễn Hiệp Thương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2020)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình	Trần Đình Tuấn	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2018)	
				Giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội	Nguyễn Hồi Loan, Trần Thu Hương	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.	
43	CLM2226	Công tác xã hội với người cao tuổi	2	1. Học liệu bắt buộc			
				CTXH với người cao tuổi	Nguyễn Thu Hà, Hoàng Thị Hải Yến, Trịnh Phương Thảo, Đặng Thị Huyền Oanh, Đỗ Thị Bích Thảo	Nxb Khoa học xã hội, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân	Đào Văn Dũng	Nxb Chính trị Quốc gia, 2012	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, Hà Nội (2014)	
44	CLM2227	Công tác xã hội với nhóm người dễ bị tổn thương	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Công tác xã hội với người nghiện ma túy	Tiêu Thị Minh Hương, Nguyễn Trung Hải	Nxb Bách Khoa Hà Nội, 2020	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan, Nguyễn Thị Thanh Hương, Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2008)	
				Công tác xã hội với trẻ em	Nguyễn Hiệp Thương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2020)	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Công tác xã hội với người đồng tính chuyển giới	Huỳnh Văn Chấn (chủ biên), Phạm Thanh Bình, Nguyễn Thị Thanh Tùng	Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2021	
45	CLM2228	Công tác xã hội trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật,	Cao Đức Hải	Nxb Đại học Quốc gia, (2009),	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình quản lý lễ hội và sự kiện	Cao Đức Hải	Nxb Văn hóa (2004)	
				Giáo trình Chính sách văn hóa	Lê Thị Hiền cùng nhóm tác giả	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2009)	
46	CLM2229	Công tác xã hội trong các khu công nghiệp	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Lối sống các nhóm dân cư	Mai Kim Thanh	Nxb Giáo dục Việt nam (2011)	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						Nội, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			
				Quản trị ngành CTXH	Trịnh Thị Chinh, Michale Ong	Nxb Lao động xã hội, 2012	
				Văn hóa lối sống đô thị Hà Nội (từ 1986 đến nay)	Phan Đăng Long	Nxb Chính trị Quốc gia, 2015	
47	CLM2230	Công tác xã hội các dân tộc thiểu số	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Dân tộc học đại cương	Lê Sỹ Giáo chủ biên	Nxb Giáo dục (2000)	
				Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số	Văn Lập	Nxb Hồng Đức, 2018	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình phát triển cộng đồng	Nguyễn Trung Hải	Nxb Dân Trí, (2016)	
				Tín ngưỡng của các dân tộc Việt Nam	Ngô Đức Thịnh (2016),	Nxb Khoa học xã hội	
				Hoạt động du lịch cộng đồng vùng dân tộc thiểu số VN	Nguyễn Công Thảo	Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội, 2022	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Giáo trình Chính sách Xã hội	Nguyễn Tuấn Anh chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
48	CLM2231	Công tác xã hội với người nghèo	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số	Văn Lập	Nxb Hồng Đức, 2018	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Giáo trình phát triển cộng đồng	Nguyễn Trung Hải	Nxb Dân Trí, (2016)	
				Giáo trình Chính sách Xã hội	Nguyễn Tuấn Anh chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
49	CLM2232	Công tác xã hội trong lĩnh vực pháp luật và tội	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Tâm lý học Tư pháp	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nhà xuất bản Công an nhân dân (2021)	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, Hà Nội	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		phạm				(2014)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Chính sách Xã hội	Nguyễn Tuấn Anh chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương (chủ biên)	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
50	CLM2233	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Tâm lý học lâm sàng	Nguyễn Thị Minh Hằng (Chủ biên)	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2017)	
				Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân	Đào Văn Dũng	Nxb Chính trị Quốc gia (2012)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình xã hội học sức khỏe	Hoàng Bá Thịnh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2017)	
				Giáo trình Tâm lý học lâm sàng	Trần Thu Hương	Lao động - Xã hội (2014)	
				CTXH với học sinh có vấn đề sức khỏe tâm thần	Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn T.Ánh Tuyết, Đỗ	Nxb Giáo dục Việt Nam	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
					Nghiêm Thanh Phương, Nguyễn Thu Hà	2020	
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành					
IV.1		Các học phần bắt buộc					
51	CLM2234	Công tác xã hội với người khuyết tật	3	1. Học liệu bắt buộc			
				Hòa nhập xã hội của người khuyết tật từ tiếp cận phát triển con người (Sách Chuyên Khảo)	Vũ Thị Thanh chủ biên	Nxb Khoa học Xã hội, 2019	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				CTXH trong bệnh viện thực nghiệm can thiệp cá nhân với trẻ mắc rối loạn phổ tự kỉ	Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Trung Hải (Chủ biên)	Nxb Khoa học xã hội, 2023	
				1. Học liệu bắt buộc			
52	CLM2235	Tổ chức và quản lý dự án văn hóa - nghệ thuật	3	Giáo trình Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật	Cao Đức Hải	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2009)	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		trong công tác xã hội		2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình quản lý lễ hội và sự kiện	Cao Đức Hải	Nxb Văn hóa, (2004)	
				Giáo trình Chính sách văn hóa	Lê Thị Hiền cùng nhóm tác giả	Nxb ĐH Quốc gia HN, (2009)	
IV.2. Các học phần tự chọn							
53	CLM2236	Công tác xã hội y tế - bệnh viện	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Hoạt động CTXH trong bệnh viện	Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Trung Hải (Chủ biên)	Nxb Khoa học xã hội, 2021	
				Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân	Đào Văn Dũng	Nxb Chính trị Quốc gia, 2012	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình tâm lý học lâm sàng	Trần Thu Hương	Nxb Lao động xã hội, 2014	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
54	CLM2237	Công tác xã hội tôn giáo	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Tôn giáo học	Trần Đăng Sinh	Nxb Giáo dục, (2017).	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Tín ngưỡng của các dân tộc Việt Nam	Ngô Đức Thịnh	Nxb Khoa học xã hội, 2016	
				2. Học liệu tham khảo			
				Tôn giáo và tín ngưỡng	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Nxb Lý luận Chính trị, (2018)	
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
55	CLM2238	Quản lý Stress với nhân viên xã hội	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình Tâm lý học lâm sàng	Nguyễn Thị Minh Hằng (Chủ biên)	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2020)	
				2. Học liệu tham khảo			
				50 quy tắc vàng không stress	Helen Monnet	Nxb Giáo dục Việt Nam 2019	
				Tâm bệnh học	Phạm Toàn	Nxb Trẻ (2020)	
				Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai (Chủ biên)	Nxb Lao động – Xã hội (2014)	
56	CLM2239	Phương pháp dẫn	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Phương pháp đạo diễn	Lê Ngọc Canh	Văn hóa	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		dựng chương trình nghệ thuật trong hoạt động công tác xã hội		chương trình nghệ thuật tổng hợp (Nghệ thuật đạo diễn)		Thông tin, Hà Nội, 2003	
				2. Học liệu tham khảo			
				Đồng ca - Hợp xướng	Đào Ngọc Dung	Trường CĐSP Nhạc họa TW, 1990	
57	CLM2240	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Công tác xã hội với trẻ em	Nguyễn Hiệp Thương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2020)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Giáo trình hành vi con	Nguyễn Hồi Loan, Trần Thu	Nxb Đại học	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				người và môi trường xã hội	Hương	Quốc gia Hà Nội, 2018.	
				Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình	Trần Đình Tuấn	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2018)	
V	M5	Khối kiến thức thực tập, thực tế					
58	CLM2241	Thực tập công tác xã hội 1	2	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan, Nguyễn Thị Thanh Hương, Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2008)	
				Giáo trình Mô hình Công tác xã hội cá nhân	Nguyễn Thị Kim Thanh	Nxb Dân trí, 2019	
59	CLM2242	Thực tập công tác xã hội 2	4	1. Học liệu bắt buộc			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Mô hình Công tác xã hội cá nhân	Mai Thị Kim Thanh	Nxb Dân trí, 2019	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
				Giáo trình công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan, Nguyễn Thị Thanh Hương, Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2008)	
				Giáo trình phát triển cộng đồng	Nguyễn Trung Hải	Nxb Dân Trí, (2016)	
VI	M6	Khối kiến thức cuối khóa					
60		Khóa luận	10				
61	CLM2244	Ứng dụng văn hóa nghệ thuật trong Công tác xã hội	5	1. Học liệu bắt buộc			
				Trị liệu tâm lý bằng nghệ thuật	Leah Guzman	Nxb Thanh niên(2022)	
				Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật	S.Freud, C.G.Jung	Nxb Văn hóa – Thông tin (2004)	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				Vai trò trị liệu tranh vẽ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Nguyễn Thị Phương Thanh	Tạp chí Gia đình trẻ em, 2020.	
62	CLM3345	Thực	5	1. Học liệu bắt buộc			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		hành công tác xã hội		Giáo trình nhập môn công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương chủ biên	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	
				2. Học liệu tham khảo			
				Giáo trình Nhập môn công tác xã hội	Bùi Thị Xuân Mai	Nxb Lao động xã hội, (2014)	
				Giáo trình công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan	Nxb Lao động xã hội, (2008)	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
(Ký, đóng dấu)

PGS.TS Lê Vinh Hưng

